Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIÊN NGÂN HÀNG

QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP QUỐC DÂN (NCB)

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG

QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP QUỐC DÂN (NCB)

Chuyên ngành: Tài chính ngân hàng

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

CAM KẾT

Kính gửi: Khoa Tài chính – Ngân hàng, Học Viên Ngân Hàng. Tên tác giả là: Lương Thu Phương, xin cam đoan luận văn thạc sỹ với đề tài "Quản trị rủi ro tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân – NCB" là kết quả của quá trình học tập và nghiên cứu của riêng tác giả dưới sự hướng dẫn khoa học của TS.Nguyễn Phú Hà.

Các số liệu, tài liệu tham khảo sử dụng trong luận văn hoàn toàn được thu thập ban đầu hoặc trích dẫn từ những văn bản có nguồn gốc rõ ràng.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

LỜI CẢM ƠN

Tác giả xin trân trọng gửi lời cảm ơn tới Ban Giám hiệu Học Viên Ngân Hàng, tập thể quý thầy cô Khoa Tài chính – Ngân hàng, Học Viên Ngân Hàng đã tạo mọi điều kiện tốt nhất để tác giảhoàn thiện luận văn này.

Tác giả xin trân trọng gửi lời cảm ơn tới TS. Nguyễn Phú Hà, người đã giành thời gian, tâm huyết của một người thầy nhiệt tình hướng dẫn, giúp đỡ về kiến thức, phương pháp nghiên cứu, cách trình bày để tác giả có thể hoàn thiện nội dung và cả hình thức luận văn. Cảm ơn toàn thể cán bộ lãnh đạo, chuyên viên Ngân hàng TMCP Quốc Dân – NCB đã tạo điều kiện và giúp đỡ tác giả tìm hiểu thực tế, học tập kinh nghiệm trong thời gian hoàn thành luận văn này.

Cuối cùng, tác giả muốn gửi lời cảm ơn chân thành tới gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã tận tình hỗ trợ, giúp đỡ tác giả trong suốt thời gian học tập và nghiên cứu luận văn.

Trong quá trình thực hiện khó có thể tránh khỏi những thiếu sót vì vậy tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý Thầy, Cô giáo và bạn đọc để luận văn được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày… tháng….năm

Học viên

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

TÓM TẮT

Luận văn tập trung nghiên cứu về quản trị rủi ro tín dụng với mục tiêu phân tích thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân - NCB để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng tại NCB trong thời gian tới.

Để đạt được mục đích trên, nhiệm vụ đặt ra cho luận văn là:

- Khái quát, hệ thống hóa các nguyên nhân và giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng của các NHTM bằng việc làm rõ những vấn đề cơ sở lý

luận cơ bản về quản trị rủi ro tín dụng. Phân tích thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại NCB. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng tại NCB.

Những đóng góp mới của luận văn:

- Luận văn đã khái quát, hệ thống hóa các lý luận cơ bản về tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng trong NHTM.

- Phân tích thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại NCB qua đó đánh giá kết quả đạt được, những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong công tác quản trị rủi ro tín dụng của NCB giai đoạn 2013 - 2015.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng tại NCB từ 2016 - 2020.

- Đưa ra một vài kiến nghị với Chính phủ, NHNN và NCB.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT i

DANH MỤC BẢNG ii

DANH MỤC SƠ ĐỒ iii

DANH MỤC BIỂU ĐỒ iv

MỞ ĐẦU 5

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI 8

1.1 Tổng quan tình hình nghiên cứu về quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng thương mại 8

1.2 Cơ sở lý luận về quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng thương mại 10

1.2.1 Ngân hàng thương mại và các hoạt động của Ngân hàng thương mại. 10

1.2.2 Rủi ro tín dụng tại Ngân hàng thương mại 17

1.2.3 Quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại 24

1.3 Kinh nghiệm quản trị rủi ro tín dụng tại một số NHTM trong nước 41

1.3.1 Vietinbank 41

1.3.2 HD Bank 41

CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU LUẬN Văn

2.1 Khung phân tích .....

2.2 Phương pháp nghiên cứu.....

2.2.1. *Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp bằng phiếu.*

2.2.2. *Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp*

2.3 Phương pháp xử lý số liệu .....

2.3.1. *Phương pháp phân tích tổng hợp* .....

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

2.3.2. *Phương pháp so sánh*.....

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP QUỐC DÂN (NCB).....

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

3.1. Giới thiệu chung về Ngân hàng TMCP Quốc Dân**Error! Bookmark not defined.**

3.1.1. *Sơ lược quá trình hình thành và phát triển của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB).* ..... ***Error! Bookmark not defined.***

3.1.2. *Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB).***Error! Bookmark not defin**

3.1.3. *Khái quát kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2013 - 2015 của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB)* ..... ***Error! Bookmark not defined.***

3.2. Thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân**Error! Bookmark n**

3.2.1. *Quy trình tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân.***Error! Bookmark not defined.**

3.2.2. *Thực trạng rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân.***Error! Bookmark not de**

3.2.3. *Kết quả khảo sát ý kiến các cán bộ nhân viên tại NCB.***Error! Bookmark not defined**

3.3. Đánh giá chung về hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) ..... **Error! Bookmark not defined.**

3.3.1. *Những thành tựu đạt được.* ..... ***Error! Bookmark not defined.***

3.3.2. *Những hạn chế trong công tác quản trị rủi ro tín dụng của Ngân hàng TMCP Quốc Dân.* ..... ***Error! Bookmark not defined.***

3.3.3. *Nguyên nhân những hạn chế trong công tác quản trị rủi ro tín dụng của Ngân hàng TMCP Quốc Dân.* ..... ***Error! Bookmark not defined.***

CHƯƠNG 4: ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NHTM CỔ PHẦN QUỐC DÂN**Error! Bookmark not defined.**

4.1. Định hướng phát triển của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB)**Error! Bookmark not**

4.1.1. *Định hướng chung* ..... ***Error! Bookmark not defined.***

4.1.2. *Định hướng tín dụng* ..... ***Error! Bookmark not defined.***

4.2. Định hướng quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB)**Error! Book**

4.2.1. *Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro* ..... ***Error! Bookmark not defined.***

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

4.2.2. Quản trị tín dụng và giám sát nợ ***Error! Bookmark not defined.***
.....

4.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) ..... **Error! Bookmark not defined.**

4.3.1. *Xây dựng và hoàn thiện chính sách tín dụng* ***Error! Bookmark not defined.***

4.3.2. *Hoàn thiện và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình cho vay* ***Error! Bookmark not defined***

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

4.3.3. Nâng cao vai trò kiểm soát nội bộ Ngân hàng ***Error! Bookmark not defined.***

4.3.4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực..... ***Error! Bookmark not defined.***

4.4. Một số đề xuất với NCB, NHNN và Chính phủ **Error! Bookmark not defined.**

4.4.1. Đề xuất với NCB ..... ***Error! Bookmark not defined.***

4.4.2. Đề xuất với NHNN ..... ***Error! Bookmark not defined.***

4.4.3. Đề xuất với Chính phủ..... ***Error! Bookmark not defined.***

KẾT LUẬN **Error! Bookmark not defined.**

.....

TÀI LIỆU THAM KHẢO..... 44

.....

PHỤ LỤC

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Nguyên nghĩa
14	BCTC	Báo cáo tài chính
3	HO	Hội sở chính
15	KHCN	Khách hàng cá nhân
1	NCB	Ngân hàng TMCP Quốc Dân
4	NH	Ngân hàng
5	NHNN	Ngân hàng Nhà nước
7	NHTM	Ngân hàng Thương mại
6	NHTW	Ngân hàng Trung ương
12	NQH	Nợ quá hạn
9	QTRR	Quản trị rủi ro
8	RRTD	Rủi ro tín dụng
11	TCTD	Tổ chức tín dụng
2	TMCP	Thương mại Cổ phần
10	TSBĐ	Tài sản bảo đảm
13	TSTC	Tài sản thế chấp

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

DANH MỤC BẢNG

STT	Bảng	Nội dung	Trang
1	Bảng 1.1	Dấu hiệu khoản cho vay có vấn đề và chính sách cho vay kém hiệu quả	22
2	Bảng 1.2	Chỉ tiêu chất lượng tài sản trong mô hình các chỉ tiêu rủi ro tài chính.	23
3	Bảng 1.3	Mô hình xếp hạng của công ty Moody và Standard & Poor	36
4	Bảng 3.1	Kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng TMCP Quốc Dân.	49
5	Bảng 3.2	Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn tại ngân hàng TMCP Quốc Dân.	52
6	Bảng 3.3	Cơ cấu dư nợ quá hạn của ngân hàng TMCP Quốc Dân.	55
7	Bảng 3.4	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và tỷ lệ nợ xấu giai đoạn 2013-2015	56

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

DANH MỤC SƠ ĐỒ

STT	Sơ đồ	Nội dung	Trang
1	Sơ đồ 1.1	Phân loại rủi ro tín dụng	14
2	Sơ đồ 1.2	Quy trình rủi ro tín dụng	21
3	Sơ đồ 2.1	Khung phân tích của luận văn	40
4	Sơ đồ 3.1	Cơ cấu tổ chức của NCB	48
5	Sơ đồ 3.2	Quy trình tín dụng tại NCB	50

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

STT	Sơ đồ	Nội dung	Trang
1	Biểu đồ 3.1	Cơ cấu dư nợ cho vay theo loại tiền	53
2	Biểu đồ 3.2	Cơ cấu huy động theo thành phần kinh tế	54
3	Biểu đồ 3.3	Cơ cấu dư nợ quá hạn theo kỳ hạn	55
4	Biểu đồ 3.4	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	56
5	Biểu đồ 3.5	Tỷ lệ nợ xấu của NCB	57
6	Biểu đồ 3.6	Cơ cấu cán bộ được điều tra phân theo mảng khách hàng phụ trách	58
7	Biểu đồ 3.7	Cơ cấu cán bộ được điều tra phân theo chức vụ công tác	58
8	Biểu đồ 3.8	Cơ cấu cán bộ điều tra phân theo trình độ chuyên môn	59
9	Biểu đồ 3.9	Cơ cấu cán bộ điều tra phân theo thâm niên công tác	59

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Giai đoạn 2010 – 2015 là khoảng thời gian phục hồi của nền kinh tế sau thời gian hậu cuộc khủng hoảng năm 2007 – 2008. Nhìn nhận trên giác độ tăng trưởng và phát triển kinh tế, Việt Nam đã đạt được tiến bộ quan trọng trong những năm qua. Mức sống được cải thiện, những thành tựu kinh tế - xã hội đã và đang đạt được khá ấn tượng. Một trong những động lực chính cho tăng trưởng và phát triển kinh tế là việc thực hiện mở cửa thị trường, các chính sách liên quan đến thuế quan tạo điều kiện thuận lợi cho việc thông thương hàng hóa, tăng tính cạnh tranh cho các mặt hàng nội địa. Theo số liệu thống kê của Tổng cục thống kê năm 2015, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2008 là 6,18% so với năm 2007 là 8,46%; Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm tăng 22,97%; tổng chi ngân sách Nhà nước tăng 22,3% so với năm 2007; tỷ lệ thất nghiệp là 4,65%; lạm phát đạt đỉnh 28,3% vào tháng 8/2008. Năm 2015, tốc độ tăng trưởng tăng 6,68% so với năm 2014. Mức tăng trưởng cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011 – 2014; chỉ số giá tiêu dùng tăng 0,74%; tỷ lệ lạm phát dưới 1,5%.

Quá trình tái cấu trúc hệ thống Ngân hàng theo đề án 254 của Chính phủ đã kết thúc giai đoạn một từ năm 2011 - 2014. Năm 2012 - 2013, NHNN tập trung củng cố thanh khoản hệ thống Ngân hàng, lành mạnh hóa hoạt động Tài chính của các NHTM mà trọng tâm là xử lý nợ xấu và minh bạch hóa tài chính và tái cơ cấu tổ chức, hoạt động và quản trị hệ thống Ngân hàng. Năm 2015, NHNN đã tiếp tục triển khai quyết liệt và đồng bộ hơn giai đoạn hai với trọng tâm tái cơ cấu, sáp nhập và xử lý nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu tính đến cuối năm 2015 là dưới 3% *(NHNN, 2015)*

Khởi nguồn từ Ngân hàng TMCP Nông thôn Sông Kiên, sau khi được ông Đặng Thành Tâm mua lại, chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động từ Ngân hàng TMCP nông thôn thành Ngân hàng TMCP đô thị với tên gọi Ngân hàng TMCP Nam Việt – Navibank năm 2006. Tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng TMCP Nam Việt tính đến cuối năm 2013 vẫn chiếm 6% trên tổng dư nợ, khá cao so với mức trung bình

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

ngành là 3,79%. Đến năm 2014, Navibank chính thức được đổi tên thành Ngân hàng TMCP Quốc Dân – NCB và tiến hành tái cấu trúc hệ thống (*NCB, 2014).*

Trọng tâm của việc tái cấu trúc là hoàn thiện hệ thống quản trị tín dụng của Ngân hàng. Trong quá trình hoàn thiện hệ thống quản trị tín dụng có rất nhiều vấn đề bất cập như: chính sách tín dụng, việc tuân thủ các quy trình của NHNN liên quan đến quản trị rủi ro tín dụng cần được thắt chặt, quy trình quản trị rủi ro tín dụng, đặc biệt là quy trình tác nghiệp tín dụng còn nhiều bất cập.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, từ góc độ là một cán bộ Ngân hàng làm việc tại phòng Quản lý chất lượng tác giả thấy vấn đề thực tiễn này có ý nghĩa nghiên cứu, đó là lý do tác giả lựa chọn đề tài " ***Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB)"*** làm luận văn thạc sỹ của mình.

2. **Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

Mục đích nghiên cứu của đề tài là:

- Hệ thống hóa lại cơ sở lý luận và thực tiễn về quản trị rủi ro tín dụng tại

- Tìm hiểu thực trạng rủi ro tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng tại NCB theo các tiêu chí định lượng và định tính.

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của đề tài tìm ra các điểm tồn tại bất cập để có những khuyến nghị với cơ quan quản lý trực tiếp của NCB nhằm tổ chức thực hiện và củng cố chính sách tín dụng nhằm tăng cường công tác quản trị rủi ro tín dụng tại NCB.

3. **Câu hỏi nghiên cứu**

Để đạt được mục đích này, luận văn tập trung làm rõ các câu hỏi sau:

- Rủi ro tín dụng được đo lường bằng những tiêu chí nào?

- Nội dung và quy trình quản trị rủi ro nói riêng và quản trị rủi ro tín dụng nói chung tại NHTM như thế nào?

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

- Đánh giá thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại NCB?

- Trong trường hợp có nhiều điểm bất cập thì giải pháp khuyến nghị để nhằm nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng tại NCB như thế nào?

4. **Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Phạm vi nghiên cứu: Tập trung nghiên cứu các hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng, nội dung và quy trình quản trị rủi ro tín dụng tại NHTM nói chung và Ngân hàng TMCP Quốc Dân nói riêng giai đoạn 2013 – 2015.

5. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần lời cam kết, mở đầu, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục bảng biểu và sơ đồ, hình vẽ, kết luận, nội dung chính của luận văn được chia thành 4 chương chính như sau:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận và thực tiễn về quản trị rủi ro tín dụng tại NHTM.

Chương 2: Phương pháp và thiết kế nghiên cứu luận văn.

Chương 3: Thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB).

Chương 4: Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB).

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1 Tổng quan tình hình nghiên cứu về quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng thương mại

Dựa trên tầm quan trọng và thực tiễn của vấn đề quản trị rủi ro tín dụng, đã có rất nhiều tác giả nghiên cứu, làm rõ trong các luận văn và các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước. Trong đó có thể kể đến một số những nghiên cứu nổi bật như sau:

(1) Tác giả Nguyễn Đức Tú, 2012. Đề tài "Quản lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam", luận án Tiến sĩ, Đại học Kinh tế Quốc dân. Trong luận án tác giả đã đề cập đến thực trạng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

(2) Tác giả Đàm Xuân Yên, 2012. Đề tài "Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank Phú Thọ)", luận văn thạc sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh – Đại học Thái Nguyên. Tác giả đã sử dụng các phương pháp so sánh, phân tích, thống kê, vào phân tích thực trạng hoạt động tín dụng của Sacombank Phú Thọ. Từ đó đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Sacombank Phú Thọ.

(3) Tác giả Đặng Thị Minh Thúy, 2013. Đề tài "Giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng tại NHTM cổ phần Đại Dương – Chi nhánh Thăng Long", luận văn thạc sĩ kinh tế, Học viện Ngân hàng. Tác giả đã dựa vào nguồn số liệu quá khứ qua các năm về tình hình nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu, căn cứ vào các nghị quyết, các chiến lược kinh doanh, kế hoạch của Ngân hàng và vận dụng các phương pháp phân tích khác nhau để làm sáng tỏ thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đại Dương – Chi Nhánh Thăng Long.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

(4) Tác giả Bùi Thị Thúy Hằng, 2013. Đề tài "Quản trị rủi ro tín dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ tại ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam", luận văn

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

thạc sỹ kinh tế, Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội. Trong luận văn tác giả đã sử dụng dữ liệu thứ cấp, tổng hợp các số liệu thực tế hoạt động tín dụng và quản trị rủi ro tại Ngân hàng Quốc Tế VN(VIB). Điểm nổi bật trong luận văn này là tác giả đã áp dụng kinh nghiệm quản trị rủi ro từ CBA- Ngân hàng bán lẻ số 1 tại Úc để làm rõ vấn đề.

(5) Nguyễn Hoàng Bích Trâm ,2014. *"Kiểm định rủi ro tín dụng cho các NHTM niêm yết tại Việt Nam"*, số 14, Tạp chí phát triển và hội nhập. Tác giả đã ứng dụng phương pháp thử sức căng(Stress Test) để xem xét tác động vĩ mô lên rủi ro tín dụng của các NHTM Việt Nam. Kết quả cho thấy mối tương quan giữa tỷ lệ nợ xấu và tăng trưởng GDP với độ trễ hai quý. Bài nghiên cứu còn sử dụng Credit Var để tính toán khả năng vỡ nợ của khu vực NHTM và nhận thấy rằng các NHTM không thể hấp thụ được khoản tổn thất tín dụng dưới các kịch bản vĩ mô bất lợi. Điều này có thể đe dọa sự ổn định của hệ thống tài chính. Những ước lượng này cũng rất hữu ích cho ngân hàng trong việc xác định rủi ro tín dụng và tính toán tỷ số an toàn tối thiểu cần thiết khi trường hợp xấu có thể xảy ra.

(6) Nguyễn Thị Vân Anh, 2014. "Hạn chế rủi ro cho hệ thống ngân hàng thông qua áp dụng Basel II – nhìn từ kinh nghiệm quốc tế". Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ, Số 20/2014, Tr.36 – 39.

(7) Viện nghiên cứu khoa học ngân hàng, 2009. "Thực trạng rủi ro tín dụng của các NHTM Việt Nam hiện nay và các giải pháp phòng ngừa hạn chế. Hà Nội:

NXB Thống kê.

Qua nghiên cứu, phân tích từ những công trình đã nghiên cứu, tác giả nhận thấy, hầu hết các đề tài mới chỉ sử dụng số liệu thứ cấp, chỉ có một số ít tác giả có thực hiện điều tra, phỏng vấn khách hàng hay phỏng vấn chuyên viên tác nghiệp tại đơn vị.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Qua tìm hiểu trên thực tế, tác giả nhận thấy chưa có nghiên cứu quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng TMCP Quốc Dân – Hội sở chính. Trong khoảng thời gian từ 2013 – 2015 là khoảng thời gian khủng hoảng đối với NCB vì trong thời gian này

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

NCB bị NHNN kiểm soát đặc biệt, sau đó tiến hành tái cấu trúc. Do vậy, quản trị rủi ro tín dụng trong khoảng thời gian này vô cùng thiết thực. Điều này giúp cho những giải pháp đề ra mang tính thực tiễn, kịp thời và khách quan hơn nhằm nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng. Vì vậy nên tác giả đã lựa chọn đề tài này để tiến hành nghiên cứu.

1.2 Cơ sở lý luận về quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng thương mại

1.2.1 Ngân hàng thương mại và các hoạt động của Ngân hàng thương mại

1.2.1.1 Khái niệm Ngân hàng thương mại

Sự phát triển hệ thống ngân hàng thương mại có tác động rất lớn và quan trọng đến quá trình phát triển của nền kinh tế hàng hóa, ngược lại khi kinh tế hàng hóa phát triển mạnh mẽ đến giai đoạn cao nhất là nền kinh tế thị trường thì NHTM cũng ngày càng được hoàn thiện và trở thành những định chế tài chính không thể thiếu được. Thông qua hoạt động tín dụng, NHTM tạo lợi ích cho người gửi tiền, người vay tiền và cho cả ngân hàng. Theo đó, có rất nhiều quan điểm và định nghĩa khác nhau về Ngân hàng, như:

"Ngân hàng là loại hình tổ chức tài chính cung cấp một danh mục các dịch vụ tài chính đa dạng nhất – đặc biệt là tín dụng, tiết kiệm và dịch vụ thanh toán. Và cũng thực hiện nhiều chức năng tài chính nhất so với bất kỳ một tổ chức kinh doanh nào trong nền kinh tế" *(Peter Rose,2001)*.

"Ngân hàng là tổ chức tài chính nhận tiền gửi chủ yếu dưới dạng không kỳ hạn hoặc tiền gửi được rút ra với một thông báo ngắn hạn (tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn và các khoản tiết kiệm). Dưới tiêu đề "các ngân hàng" gồm có: các Ngân hàng thương mại chỉ tham gia vào các hoạt động nhận tiền gửi, cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn; các Ngân hàng đầu tư hoạt động buôn bán chứng khoán và bảo lãnh phát hành; các ngân hàng nhà ở cung cấp tài chính cho lĩnh vực phát triển nhà ở và nhiều loại khác nữa. Tại một số nước còn có các ngân hàng kết hợp hoạt động ngân hàng thương mại với hoạt động ngân hàng đầu tư và đôi khi thực hiện cả dịch vụ bảo hiểm" *(WorldBank)*.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

"Nhà băng thiết yếu gồm các nghiệp vụ nhận tiền ký thác, buôn bán vàng bạc, hành nghề thương mại và các giá trị địa ốc, các phương tiện tín dụng và hối phiếu, thực hiện các nghiệp vụ chuyển ngân, đứng ra bảo hiểm." *(Luật Ngân hàng của Đan Mạch, 1930).*

"Ngân hàng thương mại là những xí nghiệp hay cơ sở mà nghề nghiệp thường xuyên là nhận tiền bạc của công chúng dưới hình thức ký thác, hoặc dưới các hình thức khác và sử dụng tài nguyên đó cho chính họ trong các nghiệp vụ về chiết khấu, tín dụng và tài chính" *(Luật Ngân hàng của Cộng hòa Pháp, 1941).*

"Ngân hàng thương mại là cơ sở nhận các khoản tiền ký thác để cho vay, tài trợ, đầu tư" *(Luật Ngân hàng của Ấn Độ năm 1950 và được sửa đổi, 1959).*

Theo quy định tại Điều 4, Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa 12 thông qua ngày 16/6/2010, *"Ngân hàng thương mại là loại hình ngân hàng được thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu lợi nhuận"*. Trong đó, hoạt động ngân hàng là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên các nghiệp vụ sau đây: nhận tiền gửi, cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

Từ những nhận định trên có thể rút ra NHTM là một trong những định chế tài chính không thể thiếu trong nền kinh tế thị trường mà đặc trưng là cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính với nghiệp vụ cơ bản là nhận tiền gửi, cho vay và cung ứng các dịch vụ thanh toán. Ngoài ra, NHTM còn cung cấp nhiều dịch vụ khác nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu về sản phẩm dịch vụ của xã hội.

1.2.1.2 Hoạt động chính của Ngân hàng thương mại

a) **Hoạt động huy động vốn**

Hoạt động huy động vốn là hoạt động mang tính chất tiền đề nhằm tạo lập nguồn vốn hoạt động của ngân hàng. Do đó, để đảm bảo nguồn vốn trong hoạt động kinh doanh, các NHTM có thể thực hiện hoạt động huy động vốn từ những nguồn sau:

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Thứ nhất, nguồn vốn chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu là nguồn vốn ban đầu và được bổ sung trong quá trình hoạt động của ngân hàng. Vốn chủ sở hữu của mỗi

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

ngân hàng được hình thành do tính chất sở hữu của ngân hàng quyết định. Vốn chủ sở hữu bao gồm vốn điều lệ, các quỹ trữ hình thành trong quá trình kinh doanh và các tài sản nợ khác của chủ sở hữu theo quy định.

Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng không lớn, thông thường khoảng 10% tổng số vốn nhưng có vai trò hết sức quan trọng trong hoạt động của ngân hàng. Cụ thể, nó cho phép các ngân hàng có thể mở rộng mạng lưới kinh doanh, gia tăng quy mô hoạt động với mức vốn chủ sở hữu phù hợp theo quy định của Nhà nước. Đồng thời, nó còn thể hiện tiềm lực tài chính của mỗi ngân hàng và duy trì niềm tin của công chúng vào triển vọng phát triển bền vững của mỗi ngân hàng. Do vậy, sự tăng

trưởng của vốn chủ sở hữu thường được đánh giá tốt. Các NHTM sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu để tài trợ cho việc xây dựng hội sở, văn phòng, mua sắm tài sản cố định, các phương tiện làm việc và quản lý theo một tỷ lệ nhất định do Nhà nước quy định. Ngoài ra, các NHTM còn có thể sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu của mình để góp vốn liên doanh, cấp vốn cho các công ty con và các hoạt động kinh doanh khác.

Thứ hai, tiền gửi của khách hàng. Huy động từ nguồn tiền nhàn rỗi của các tổ chức, cá nhân dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành các chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu và các hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận.

Trên thực tế, các ngân hàng có thể đưa ra nhiều hình thức gửi tiền nhưng có thể xếp thành các loại tiền gửi chính:

- **Tiền gửi tiết kiệm**: là hình thức thu hút tiền nhàn rỗi từ các KHCN. Những người gửi tiền có thể gửi vào ngân hàng trong khoảng thời gian ngắn hoặc dài tùy theo nhu cầu dự kiến sử dụng trong tương lai vì vậy hiện nay các NHTM thường áp dụng hai loại gửi tiền tiết kiệm là: tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn. Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn có tính chất không ổn định nên lãi suất tiền gửi thường thấp, ngược lại tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn ổn định nên có lãi

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

suất cao. Thông thường nguồn tiền gửi tiết kiệm chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng nguồn vốn huy động của các NHTM nên các NHTM thường cạnh tranh bằng cách

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

nhận tiền gửi với nhiều loại kỳ hạn khác nhau, lãi và phương thức trả lãi khác nhau đồng thời cố gắng đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người gửi tiền.

- **Tiền gửi thanh toán:** là nguồn vốn huy động chủ yếu từ doanh nghiệp. Các doanh nghiệp gửi tiền vào ngân hàng với mục đích chính là nhằm bảo đảm an toàn về tài sản, thực hiện các khoản chi trả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng nên mục đích hưởng lãi đối với loại tiền gửi này chỉ giữ vai trò thứ yếu. Do tính chất ổn định của loại tiền gửi này thấp nên các NHTM có thể trả lãi với lãi suất thấp nhất và cũng có thể không có lãi.

- **Tiền gửi có kỳ hạn:** là hình thức huy động vốn từ các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Loại tiền gửi này có kỳ hạn đáo hạn cố định cho một số tiền nhất định nào đó. Nói cách khác, khi khách hàng gửi tiền có kỳ hạn, họ chỉ có thể rút ra khi đến kỳ hạn hay được thỏa thuận.

Thứ ba, phát hành giấy tờ có giá. Giấy tờ có giá là chứng nhận của ngân hàng phát hành để huy động vốn trong đó xác nhận nghĩa vụ trả một khoản tiền trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều khoản cam kết khác giữa ngân hàng với người mua. Ngân hàng được phát hành các giấy tờ có giá như: chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài. Nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng cũng như sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các ngân hàng, các NHTM phát hành các loại giấy tờ có giá với nhiều loại kỳ hạn, lãi suất khác nhau và có thể ghi danh hoặc không ghi danh.

Thứ tư, vay tổ chức tín dụng khác và NHTW. Ngoài các hình thức huy động vốn nói trên, khi cần thiết (nhu cầu vay vốn của khách hàng gia tăng mạnh hoặc ngân quỹ bị thiếu hụt do nhiều dòng tiền rút ra) các NHTM huy động bằng cách đi vay của tổ chức tín dụng khác hay vay vốn của NHTW. Hoạt động tạo lập vốn đi kèm với phát sinh chi phí sử dụng vốn, vì vậy để hoạt động tạo lập vốn phát huy kết quả, NHTM cần chú trọng đến sử dụng nguồn vốn huy động.

b) **Hoạt động sử dụng vốn**

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Hoạt động sử dụng vốn là cơ sở tạo ra thu nhập của NHTM, đảm bảo cho hoạt động tạo lập nguồn vốn phát huy tác dụng. Hoạt động sử dụng vốn của NHTM bao gồm:

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Thứ nhất, hoạt động tín dụng. Một cách khái quát, hoạt động tín dụng của ngân hàng có thể hiểu là hoạt động kinh doanh thông qua sự chuyển giao có thời hạn một lượng giá trị từ phía ngân hàng cho người đi vay, với sự cam kết hoàn trả cả gốc và lãi từ phía người đi vay khi đáo hạn. Hoạt động tín dụng thực hiện quá trình cung ứng vốn cho nền kinh tế nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất, đầu tư và tiêu dùng cho các chủ thể trong nền kinh tế.

Hoạt động cấp tín dụng của NHTM cho các tổ chức được thể hiện dưới các hình thức: Cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức khác theo quy định. Tại nhiều quốc gia, hoạt động tín dụng được coi là hoạt động quan trọng nhất đối với các NHTM. Bởi phần lớn lợi nhuận của các NHTM có được chủ yếu là thu từ hoạt động này. Để thiết lập quy trình tín dụng thích hợp và nâng cao hiệu quả hoạt động, hoạt động tín dụng được phân chia theo những tiêu chí khác nhau như mục đích, thời hạn, mức độ tín nhiệm, phương pháp hoàn trả, phương thức cấp tín dụng.

Đặc thù của NHTM là kinh doanh tiền tệ. Nếu gặp rủi ro từ hoạt động tín dụng thì không chỉ ngân hàng và người gửi tiền, đầu tư ảnh hưởng mà sẽ kéo theo nhiều hậu quả cho nền kinh tế. Bởi vậy đặt ra yêu cầu các NHTM phải đặc biệt chú ý dành nhiều nguồn lực để quản trị các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động này.

Thứ hai, hoạt động ngân quỹ. Hoạt động ngân quỹ là hoạt động duy trì khả năng thanh toán thường xuyên cho khách hàng và ngân hàng bằng việc duy trì một mức dự trữ thanh toán bắt buộc có thể do NHTW quy định hoặc do NHTM tính toán cũng như việc đảm bảo cơ cấu của các loại tiền để thanh toán cho khách hàng. Các khoản dự trữ này có thể là tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, hoặc giấy tờ có giá có thể chuyển thành tiền trong thời gian ngắn như tín phiếu kho bạc hoặc các chứng khoán ngắn hạn có tính thanh khoản cao.

Hoạt động này mang lại lợi ích cho cả khách hàng và ngân hàng: khách hàng không phải tốn nhiều thời gian và công sức trong thanh toán công nợ, được ngân

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

hàng đảm bảo tín an toàn và hưởng lãi; ngân hàng được hưởng lợi ích từ việc khách hàng duy trì số dư trên tài khoản.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Thứ ba, hoạt động đầu tư. Đây là hoạt động cho phép NHTM tự đầu tư vốn ra bên ngoài với mục đích gia tăng lợi nhuận hay chia sẻ lợi ích và trách nhiệm với doanh nghiệp khác. Với hoạt động này, NHTM thực hiện đầu tư trên thị trường chứng khoán thông qua việc mua các chứng khoán do chính phủ, công ty phát hành hoặc trực tiếp góp vốn vào doanh nghiệp để có thể tạo ra sự đa dạng trong sử dụng cũng như giảm rủi ro, tăng thu nhập và hỗ trợ thanh khoản khi cần thiết. Hoạt động đầu tư trên thị trường chứng khoán của các ngân hàng có thể tự thực hiện hoặc thông qua các công ty con để tìm kiếm lợi nhuận từ việc mua – bán chứng khoán nhằm hưởng chênh lệch giá hoặc hưởng thu nhập từ lãi nếu nắm giữ chứng khoán đến ngày đáo hạn. Trong quá trình phân bổ vốn, ưu tiên của hoạt động đầu tư thấp hơn so với mục tiêu đảm bảo dự trữ bắt buộc, dự phòng thanh khoản và cho vay.

c) **Các hoạt động khác**

Đây là nhóm hoạt động ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc đa dạng hóa hoạt động ngân hàng, giảm rủi ro của ngân hàng cũng như mang lại những khoản thu nhập với tỷ trọng ngày càng lớn. Mục đích của các hoạt động này là nhằm tăng thêm nguồn thu nhập cho tổ chức tín dụng và thỏa mãn những yêu cầu của nền kinh tế. Các hoạt động dịch vụ khác bao gồm:

Thứ nhất, dịch vụ bảo lãnh (thu phí) là hình thức tổ chức tín dụng cam kết với bên nhận bảo lãnh về việc tổ chức tín dụng sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho khách hàng khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết; khách hàng phải nhận nợ và hoàn trả cho tổ chức tín dụng theo thỏa thuận. Bên được bảo lãnh có thể là chính doanh nghiệp hoặc các tổ chức/cá nhân khác mà doanh nghiệp muốn ngân hàng bảo lãnh.

Các nghĩa vụ hợp pháp được các ngân hàng phát hành thư bảo lãnh thường là bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, bảo lãnh tiền ứng trước, bảo lãnh khoản tiền giữ lại(bảo lãnh bảo hành), bảo lãnh đối ứng, bảo lãnh cho các mục

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

đích chuyên biệt… và ngân hàng thực hiện thu phí dịch vụ bảo lãnh. Phần phí từ dịch vụ bảo lãnh được ghi nhận vào hoạt động dịch vụ phi tín dụng.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Thứ hai, dịch vụ ủy thác. Theo "Từ điển kinh tế học hiện đại" của D.W Pearce, nghiệp vụ ủy thác là việc tài sản của một người được giao cho người khác quản lý và thực hiện các yêu cầu của người sở hữu. Người giao tài sản không có quyền nắm giữ, quản lý tài sản. Người nhận có trách nhiệm quản lý tài sản, không được hưởng lợi nhuận sinh ra từ tài sản mà chỉ được hưởng một khoản tiền mà người ủy thác trả gọi là phí ủy thác.

Các dịch vụ ủy thác của KHCN bao gồm thanh lý tài sản, điều hành ủy thác cá nhân, ủy thác giám hộ và bảo quản tài sản, ủy thác đại diện,…

Các dịch vụ ủy thác của KHDN bao gồm trợ cấp hưu trí, phân chia lợi nhuận và chia tiền thưởng cổ phần, phát hành trái phiếu, mua lại các quỹ, thanh toán,…

Các nội dung của dịch vụ ủy thác vốn, ủy thác đầu tư, ủy thác thực hiện công việc. ***Thứ ba, dịch vụ tư vấn.*** Ngân hàng cung cấp các dịch vụ tư vấn cho khách hàng như tư vấn về ngân hàng gửi, thời hạn và số lượng tiền gửi hiệu quả; thẩm định và tái thẩm định các dự án đầu tư, các phương án tài chính, các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật của dự án, các rủi ro của dự án và các phương án tài chính của dự án; tư vấn đầu tư tài chính vào các dự án hoặc các doanh nghiệp; tư vấn cổ phần hóa; tư vấn niêm yết, tư vấn đăng ký giao dịch chứng khoán; tư vấn thuế,…

Thứ tư, dịch vụ ngân hàng giám sát. Ngân hàng cung cấp dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán. Các dịch vụ ngân hàng giám sát bao gồm lưu ký tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán và các tài sản khác của ngân hàng giám sát; giám sát nhằm đảm bảo công ty quản lý quỹ, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty đầu tư chứng khoán quản lý tài sản của công ty tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán và điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán; thực hiện hoạt động thanh toán và chuyển giao tiền, chứng khoán liên quan đến hoạt động quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán theo yêu cầu hợp pháp của công ty quản lý quỹ hoặc Giám đốc/Tổng Giám đốc công ty đầu tư chứng khoán.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Thứ năm, dịch vụ môi giới tiền tệ là việc làm trung gian có thu phí môi giới để thu xếp thực hiện các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác giữa các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính khác.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Thứ sáu, kinh doanh ngoại hối. Dịch vụ kinh doanh ngoại hối bao gồm các dịch vụ liên quan đến việc mua, bán ngoại tệ bao gồm kinh doanh ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng và kinh doanh ngoại tệ với khách hàng là các doanh nghiệp, các tổ chức hoặc cá nhân.

Các ngân hàng thường giao dịch mua bán ngoại tệ với các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực xuất nhập khẩu. Các doanh nghiệp xuất khẩu thu được ngoại tệ từ khách hàng hoặc cá nhân nhận được các khoản thu nhập hoặc do thân nhân ở nước ngoài gửi về sẽ bán ngoại tệ lấy nội tệ để đáp ứng nhu cầu chi tiêu trong nước. Các doanh nghiệp nhập khẩu mua ngoại tệ để thanh toán cho người bán…cá nhân mua ngoại tệ để đáp ứng nhu cầu hợp lý như đi công tác nước ngoài, đi du lịch, chữa bệnh, du học,….

Cung cấp dịch vụ ngoại hối giúp các ngân hàng hưởng thu nhập từ khoản chênh lệch tỷ giá từ hoạt động mua bán.

Thứ bảy, các dịch vụ khác: Dịch vụ tư vấn du học, dịch vụ Bankdraft đa ngoại tệ, dịch vụ chi trả kiều hối, dịch vụ cho thuê và quản lý kho, định giá tài sản, dịch vụ môi giới trung gian và đại lý, dịch vụ bảo hiểm…

Không phải bất kỳ một NHTM nào đều thực hiện kinh doanh tất cả các dịch vụ trên. Tùy theo quy định luật pháp từng quốc gia mà có cho các NHTM thực hiện tất cả các dịch vụ trên hay chỉ cho thực hiện một số dịch vụ nhất định. Khi luật pháp đã cho phép nhưng còn phải tùy theo đặc điểm, chiến lược kinh doanh, mục tiêu hoạt động của từng ngân hàng mà lựa chọn sản phẩm cung cấp phù hợp với ngân hàng mình. Trong mỗi sản phẩm của ngân hàng lại đa năng về hình thức, phương thức cung cấp. Khách hàng có thể thỏa mãn tất cả các nhu cầu dịch vụ tài chính tại một NHTM thông qua một địa điểm.

1.2.2 Rủi ro tín dụng tại Ngân hàng thương mại

1.2.2.1 Khái niệm rủi ro tín dụng

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Theo định nghĩa của Ủy ban Basel về các vấn đề quốc tế (BCBS): "Rủi ro tín dụng là rủi ro hoặc sự mất mát do người đi vay hoặc đối tác gây ra.

"Rủi ro là sự không chắc chắn về tổn thất". Ở Việt Nam trong từ điển kinh tế

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

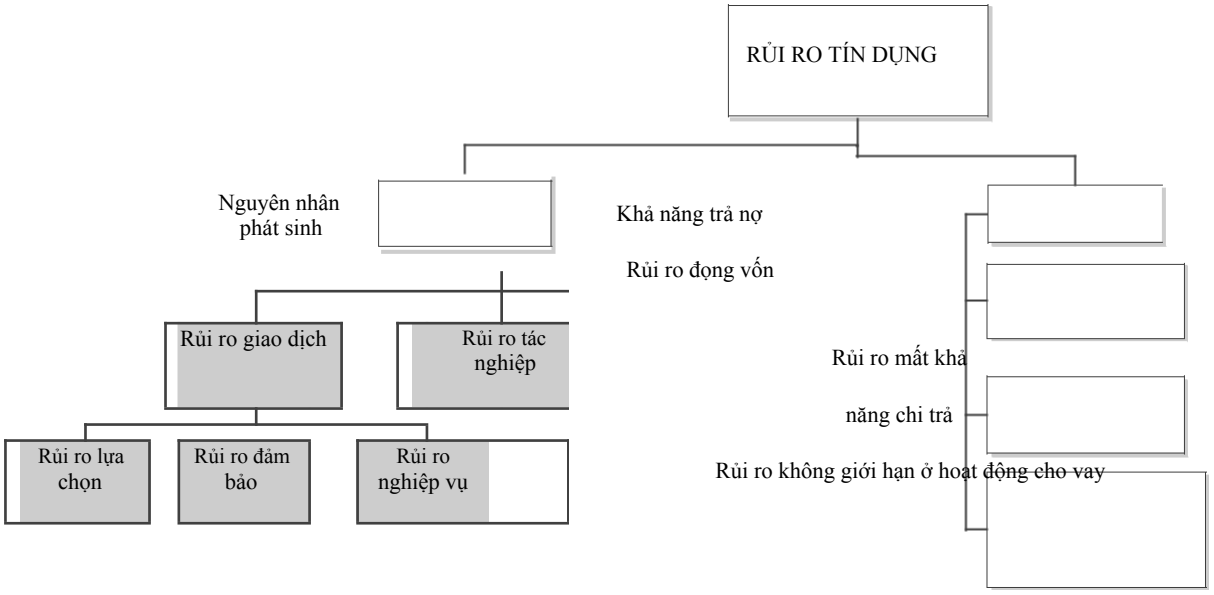
học hiện đại, rủi ro được định nghĩa: Rủi ro là hoàn cảnh trong đó một sự kiện xảy ra với một xác suất nhất định hoặc trong trường hợp quy mô của sự kiện đó có một phân phối xác suất.

Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về RRTD, tuy nhiên các quan điểm đó đều thể hiện cùng một bản chất: RRTD là khả năng xảy ra những thiệt hại về mặt kinh tế mà NHTM phải gánh chịu do khách hàng vay vốn thanh toán nợ không đúng hạn hoặc không hoàn trả được nợ vay (cả gốc và lãi).

"RRTD là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết" *(Theo Khoản 1, Điều 3 Thông tư số 02/2013/TT-NHNN).*

Như vậy, có thể hiểu RRTD là những tổn thất tiềm năng có thể xảy ra trong quá trình cấp tín dụng của ngân hàng, do khách hàng vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ(bao gồm lãi vay và gốc) hoặc trả nợ không đúng hạn cho ngân hàng như đã cam kết trong hợp đồng. Đây là rủi ro gắn liền với hoạt động tín dụng, dẫn đến tổn thất tài chính như giảm thu nhập ròng và giá trị thị trường của vốn.

1.2.2.2 Phân loại rủi ro tín dụng



Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Sơ đồ 1.1: Phân loại rủi ro tín dụng

Nguồn: Nguyễn Văn Tiến, 2013

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Căn cứ vào nguyên nhân phát sinh rủi ro

Rủi ro giao dịch: Là một hình thức của RRTD mà nguyên nhân phát sinh là do những hạn chế trong quá trình giao dịch và xét duyệt cho vay, đánh giá khách hàng. Rủi ro giao dịch có ba bộ phận:

- *Rủi ro lựa chọn* là rủi ro liên quan đến quá trình đánh giá phân tích tín dụng khi ngân hàng lựa chọn phương án vay vốn có hiệu quả để ra quyết định cho vay;

- *Rủi ro bảo đảm* phát sinh từ các tiêu chuẩn đảm bảo như các điều khoản trong hợp đồng cho vay, các loại TSBĐ, chủ thể đảm bảo, cách thứ đảm bảo và mức cho vay trên trị giá của TSBĐ;

- *Rủi ro nghiệp vụ* là rủi ro liên quan đến công tác quản lý khoản vay và hoạt động cho vay, bao gồm cả việc sử dụng hệ thống xếp hạng rủi ro xếp hạng rủi ro và kỹ thuật xử lý các khoản cho vay có vấn đề.

Rủi ro danh mục: Là rủi ro phát sinh do những hạn chế trong quản lý danh mục cho vay của ngân hàng, bao gồm rủi ro nội tại và rủi ro tập trung:

- *Rủi ro nội tại:* Xuất phát từ các yếu tố, đặc điểm riêng có, mang tính riêng biệt bên trong mỗi chủ thể đi vay hoặc ngành, lĩnh vực kinh tế. Nó xuất phát từ đặc điểm hoạt động hoặc đặc điểm sử dụng vốn của Khách hàng vay;

- *Rủi ro tập trung:* Khi ngân hàng tập trung vốn cho vay quá nhiều đối với một số Khách hàng; cho vay quá nhiều doanh nghiệp hoạt động trong cùng một ngành, lĩnh vực kinh tế, hoặc trong cùng một vùng vị trí địa lý nhất định, cùng một loại hình cho vay có rủi ro cao.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Rủi ro tác nghiệp: là nguy cơ tổn thất trực tiếp hoặc gián tiếp do cán bộ ngân hàng, quá trình xử lý và hệ thống nội bộ không đầy đủ hoặc không hoạt động hoặc do các sự kiện bên ngoài tác động vào hoạt động ngân hàng.

Căn cứ vào khả năng trả nợ của khách hàng

Rủi ro không hoàn trả nợ đúng hạn: Khi thiết lập mối quan hệ tín dụng, ngân hàng và khách hàng phải quy ước về khoản thời gian hoàn trả nợ vay. Tuy nhiên, đến thời hạn quy ước nhưng Ngân hàng vẫn chưa thu hồi được vốn vay.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Rủi ro do mất khả năng chi trả: Là rủi ro xảy ra trong trường hợp doanh nghiệp đi vay mất khả năng trả nợ, ngân hàng phải thanh lý TSBĐ của doanh nghiệp để thu nợ.

Rủi ro không giới hạn ở hoạt động cho vay: Bao gồm các hoạt động khác mang tính chất tín dụng của ngân hàng như bảo lãnh, cam kết, chấp thuận tài trợ thương mại, cho vay thị trường liên ngân hàng, tín dụng thuê mua, đồng tài trợ…

1.2.2.3 Nguyên nhân phát sinh

a) **Các yếu tố nằm ở bên ngoài ngân hàng**

Môi trường kinh tế

Chu kỳ phát triển kinh tế

Khi nền kinh tế tăng trưởng và ổn định thì hoạt động tín dụng cũng sẽ tăng trưởng theo và ít rủi ro hơn. Ngược lại, khi nền kinh tế rơi vào suy thoái thì sản xuất kinh doanh của khách hàng bị thu hẹp hoặc đình trệ, dẫn tới thua lỗ và bị phá sản. Nếu ngân hàng vẫn mạo hiểm tăng trưởng tín dụng ở mức cao thì khả năng rủi ro không thu được nợ sẽ tăng lên.

Rủi ro do quá trình tự do hóa tài chính, hội nhập quốc tế

Xu hướng toàn cầu hóa đang diễn ra sôi động trên toàn thế giới có thể làm cho nợ xấu ngày càng gia tăng khi tạo ra một môi trường cạnh tranh gay gắt, khốc liệt, khiến những khách hàng của ngân hàng phải đối mặt với nguy cơ thua lỗ và quy luật đào thải khắc nghiệt của thị trường. Thêm vào đó, sự cạnh tranh của các ngân hàng nước ngoài cũng khiến cho các ngân hàng trong nước nếu không quản trị RRTD hiệu quả thì ngân hàng bị lép vế và mất dần các khách hàng có tiềm lực tài chính lớn.

Các yếu tố về môi trường pháp lý

Nhiều khe hở trong áp dụng thi hành luật pháp

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Luật và các văn bản có liên quan của nước ta không đồng bộ, còn nhiều khe hở, điển hình là việc quy định NHTM có quyền xử lý TSBĐ nợ vay khi khách hàng không trả được nợ. Thực tế, các NHTM không làm được điều này vì ngân hàng là một tổ chức kinh tế, không phải là cơ quan quyền lực Nhà nước nên không có chức

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

năng cưỡng chế, do đó phải đưa ra Tòa án xử lý qua con đường tố tụng, dẫn đến thời gian thu hồi được nợ là khá lâu, phức tạp và tốn không ít chi phí cũng như nhân lực.

Việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước mang nặng tính hình thức

Mô hình tổ chức của thanh tra ngân hàng còn nhiều bất cập, chưa phát huy hết khả năng, hoạt động thanh tra giám sát thường chỉ tiến hành tại chỗ là chủ yếu, còn thụ động theo kiểu xử lý "khi sự đã rồi", ít có khả năng ngăn chặn và phòng ngừa rủi ro. Vì thế có những sai phạm của các NHTM không được thanh tra ngân hàng Nhà nước cảnh báo sớm, để đến khi hậu quả nặng nề xảy ra rồi mới can thiệp thì đã quá muộn.

Nguyên nhân do môi trường xã hội

Những biến động lớn về kinh tế chính trị trên thế giới luôn có ảnh hưởng tới công việc kinh doanh của các doanh nghiệp cũng như các ngân hàng. Ngày nay, cùng với sự mở rộng giao lưu kinh tế, văn hóa, chính trị giữa các nước đời sống kinh tế thế giới cũng có nhiều biến đổi. Muốn phát triển kinh tế một cách toàn diện cần thực hiện mở cửa nền kinh tế để tiếp thu những thành tựu khoa học kĩ thuật hiện đại của những nước phát triển, trao đổi, xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ với nước ngoài…Tất cả các hoạt động tạo nên mối quan hệ kinh tế đối ngoại của mỗi quốc gia. Những thay đổi về chính trị rất có thể dẫn tới sự biến động cán cân thương mại quốc tế, tỷ giá hối đoái giá các đồng tiền làm biến động thị trường trong nước như giá cả nguyên vật liệu, hàng hóa, dịch vụ, mức lãi suất thị trường, mức cầu tiền tệ…trực tiếp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp và người chịu tác động là các ngân hàng thương mại.

Nguyên nhân từ khách hàng vay

Sử dụng vốn sai mục đích, không có thiện chí trong việc trả nợ

Đối với các doanh nghiệp, khi hồ sơ vay vốn trình lên các cán bộ tín dụng thì đều có mục đích rõ ràng, phương án kinh doanh cụ thể và khả thi; còn các cá nhân thì kê khai đầy đủ mục đích và khả năng tài chính có thể trả nợ đúng hạn. Tuy nhiên,

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

không ít khách hàng sau khi vay lại sử dụng vốn sai mục đích, không có thiện chí trả nợ sẽ làm cho các ngân hàng bị tổn thất và rủi ro trong vấn đề thu hồi nợ.

Khả năng quản lý hoạch định chiến lược kinh doanh kém

Nếu chiến lược kinh doanh không được quản lý hoạch định tốt sẽ ảnh hưởng đến nguồn trả nợ. Ngân hàng cho vay dựa trên kế hoạch, chiến lược kinh doanh vì đấy là nguồn trả nợ tốt nhất, tuy nhiên nếu sự quản lý hoạch định yếu kém, sẽ làm cho phương án kinh doanh có thể đi vào phá sản, ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng.

Tình hình tài chính doanh nghiệp yếu kém, thiếu minh bạch.

Hiện nay, các báo cáo tài chính(BCTC) của các doanh nghiệp cung cấp vẫn chưa phải là nguồn thông tin xác thực, bởi chúng được "phù phép" sao cho đẹp để tiếp cận vốn vay. Mặc dù có những báo cáo tốt, có lợi nhuận nhưng bên trong lại tiềm ẩn, chứa đựng nhiều vấn đề, rủi ro. Do đó ngân hàng không có căn cứ chính xác đáng tin cậy dựa vào thông tin doanh nghiệp cung cấp mà phải dùng TSTC làm chỗ dựa để phòng chống RRTD.

b) **Các yếu tố nằm bên trong ngân hàng**

Rủi ro do chính sách tín dụng của ngân hàng

Các khoản vay có vấn đề và các thiệt hại cho vay có thể xảy ra do sơ hở về thủ tục trong nội bộ ngân hàng. Chính sách tín dụng không rõ ràng làm cho hoạt động tín dụng trở nên lệch lạc, dẫn đến việc cấp tín dụng sai lầm, tạo ra những kẽ hở cho người sử dụng vốn lách luật và cuối cùng thì ngân hàng lại phải chịu thiệt thòi.

Do những yếu kém và thiếu sót của cán bộ tín dụng

Các CBTD không nắm vững nghiệp vụ có thể tính toán không chính xác hoặc bỏ lỡ các dự án đầu tư hiệu quả. Hoặc các CBTD do bị áp lực và doanh số cho vay, cần hoàn thành chỉ tiêu nên đã bất chấp mà cấp vốn cho các dự án không có hiệu quả, điều này sẽ gây ra rủi ro lớn cho ngân hàng.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Nhiều vụ án kinh tế lớn trong thời gian vừa qua có liên quan đến cán bộ ngân hàng đã cho thấy sự xuống cấp đạo đức của họ. Một số cán bộ ngân hàng cùng với

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

khách hàng làm giả hồ sơ vay, nâng giá TSTC, cầm cố để được cấp tín dụng nhiều hơn, gây thất thoát không nhỏ cho ngân hàng.

Đạo đức của cán bộ là một trong các yếu tố quyết định để hạn chế RRTD. Một cán bộ kém về năng lực thì có thể trau dồi thêm kinh nghiệm, nhưng một cán bộ "có tài mà không có đức" được bố trí trong công tác tín dụng thì vô cùng bất lợi đối với ngân hàng.

Thiếu giám sát, quản lý sau cho vay

Việc theo dõi, giám sát sau cho vay là nhiệm vụ rất cần thiết và quan trọng đối với CBTD. Thường xuyên thăm hỏi khách hàng sẽ giúp ngân hàng xác nhận khách hàng có tuân thủ các điều khoản đề ra trong hợp đồng tín dụng hay không, đồng thời sớm phát hiện ra được vấn đề khó khăn, nguy cơ tiềm ẩn của khách hàng để có những biện pháp giảm thiểu rủi ro thích hợp.

1.2.2.4 Hậu quả của rủi ro tín dụng

Trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng, rủi ro tín dụng mang tính hệ thống, cho nên một khi rủi ro tín dụng xảy ra sẽ gây nên thiệt hại không những cho chính bản thân ngân hàng về lợi nhuận, tài sản, uy tín, danh tiếng... mà còn ảnh hưởng đến toàn hệ thống ngân hàng và cả nền kinh tế.

Đối với ngân hàng cho vay: Rủi ro tín dụng là một trong những rủi ro cơ bản gắn liền với hoạt động kinh doanh gây nên những thiệt hại cho ngân hàng, cụ thể:

Thứ nhất, giảm lợi nhuận: Khi rủi ro tín dụng xảy ra, ngân hàng có thể sẽ không thu hồi được vốn tín dụng và lãi đã cho vay, làm giảm thu nhập của ngân hàng. Ngoài ra, có thu hồi được vốn và lãi vay hay không thì ngân hàng vẫn phải mất thêm phần chi phí để quản lý khoản vốn vay trong suốt thời gian cho vay vốn hoặc các chi phí quản lý các loại nợ xấu, nợ quá hạn…

Thứ hai, không chủ động được nguồn vốn: Rủi ro tín dụng xảy ra làm cho bản thân NHTM bị co cụm, có xu hướng thu hẹp quy mô kinh doanh, năng lực tài chính và sức cạnh tranh suy giảm do không thu được nợ đúng hạn. Vì thế đã làm cho ngân

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

hàng mất cân bằng trong việc thu chi và có thể lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, ảnh hưởng đến uy tín của ngân hàng.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Thứ ba, mất cơ hội ký kết những hợp đồng mới: Khi vốn ngân hàng bị đọng và không được giải phóng theo dự tính thì ngân hàng sẽ bỏ qua những cơ hội để ký kết những hợp đồng tín dụng mới hoặc cơ hội đầu tư mới.

Ngoài ra, RRTD còn làm giảm uy tín của các ngân hàng không những trong phạm vi quốc gia mà trên cả quốc tế, làm cho các hoạt động kinh doanh quốc tế như: thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ gặp khó khăn.

Đối với nền kinh tế: NHTM là nơi thu hút các nguồn vốn nhàn rỗi trong dân chúng cũng như bơm tiền vào lưu thông, ổn định nền kinh tế. Vì vậy khi rủi ro tín dụng xảy ra, không những chỉ ảnh hưởng đến bản thân ngân hàng mà còn có thể ảnh hưởng dây chuyền đến toàn bộ hệ thống ngân hàng, làm rối loạn cả nền kinh tế - xã hội, sụt giảm lòng tin của dân chúng và sự vững chắc và lành mạnh trong hệ thống tài chính ngân hàng. Thực tế xảy ra trong năm vừa qua với hàng loạt các Ngân hàng TMCP như: Á Châu, Ocean Bank, Maritime bank …là những minh chứng hữu hiệu, nếu không có sự trợ giúp của NHTW, toàn hệ thống NHTM có thể sụp đổ, ảnh hưởng đến các ngành kinh tế khác, gây rối loạn nền kinh tế… thiệt hại xảy ra vô cùng lớn.

1.2.3 Quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại

1.2.3.1 Khái niệm

Khái niệm quản trị rủi ro tín dụng được phát triển từ khái niệm gốc về quản trị rủi ro"Quản trị rủi ro là một trong những nội dung quản lý của NHTM bao gồm: Nhận biết và đánh giá mức độ rủi ro, thực thi các biện pháp hạn chế khả năng xảy ra rủi ro và giảm thiểu tổn thất khi rủi ro tín dụng xảy ra" *(Peter S.Rose, 2001).*

Quản trị rủi ro chính là trung tâm của hoạt động điều hành của mỗi NHTM. Hiểu một các đơn giản thì quản trị rủi ro chính là quá trình các NHTM áp dụng các nguyên lý, các phương pháp và kinh nghiệm quản trị ngân hàng vào hoạt động kinh doanh của ngân hàng mình để giám sát phòng ngừa, hạn chế và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động tín dụng, đầu tư và các hoạt động kinh doanh khác để ngăn chặn tổn

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

thất thiệt hại cho ngân hàng, đồng thời không ngừng nâng cao sức mạnh và uy tín của ngân hàng trên thương trường. Quản trị rủi ro là bộ phận quan trọng trong

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

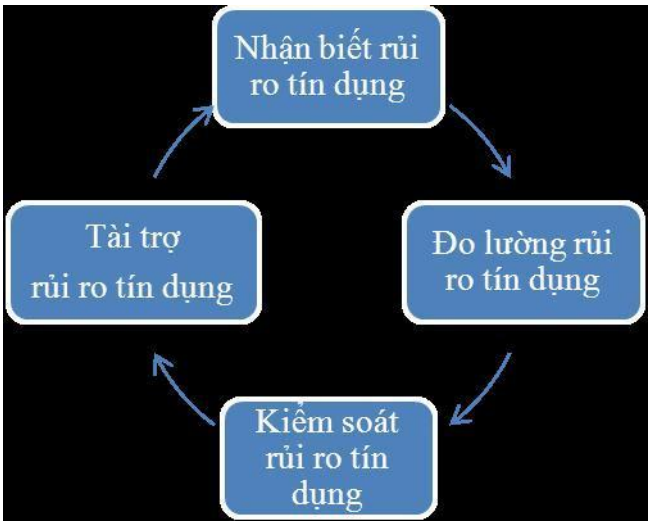
Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

chiến lược kinh doanh của mỗi NHTM, đồng thời với mỗi loại rủi ro cụ thể lại áp dụng các phương pháp quản trị riêng.

"Quản trị rủi ro danh mục cho vay là một quá trình bao gồm nhiều hoạt động của nhà quản trị như nhận dạng, đo lường, giám sát và tài trợ rủi ro nhằm tối đa hóa lợi nhuận ở mức rủi ro có thể chấp nhận được" *(Nguyễn Minh Kiều, 2009)*.

Quản trị rủi ro tín dụng là quá trình xây dựng và thực thi các chiến lược, các chính sách quản lý và kinh doanh tín dụng nhằm đạt được các mục tiêu an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững. Đồng thời, phải tăng cường các biện pháp phòng ngừa, hạn chế và giảm thấp nợ quá hạn, nợ xấu trong kinh doanh tín dụng, từ đó tăng doanh thu, giảm chi phí và nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong cả ngắn hạn và dài hạn của NHTM.

1.2.3.2 Quy trình quản trị rủi ro tín dụng



Sơ đồ 1.2: Quy trình quản trị rủi ro

a) ***Nhận biết rủi ro tín dụng***

Nhận biết rủi ro tín dụng chính là tìm ra các biểu hiện và các yếu tố tác động có thể dẫn đến các khoản rủi ro trên. Mỗi khoản vay có vấn đề đều mang những nét đặc thù riêng xuất phát từ bản thân đối tượng đi vay, sự xuống giá của TSĐB, hay các vấn đề liên quan đến thời hạn trả nợ cho ngân hàng. Tuy nhiên, mỗi một khoản

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

vay đều có những nét chung góp phần cảnh báo cho ngân hàng về những vấn đề đã bắt đầu nảy sinh trong quá trình cho vay.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Bảng 1.1: Dấu hiệu khoản cho vay có vấn đề và chính sách cho vay kém hiệu quả

Các dấu hiệu nhận biết một khoản cho vay có vấn đề	Các dấu hiệu nhận biết chính sách cho vay kém hiệu quả của ngân hàng
- Thanh toán các khoản tiền vay không đúng kì kế hoạch. - Kỳ hạn của khoản cho vay bị thay đổi liên tục. - Yêu cầu gia hạn nợ kém hiệu quả. - Lãi suất cao bất thường (cố gắng bù đắp rủi ro cao) - Sự tích tụ bất thường của các khoản phải thu và hàng tồn kho của khách hàng. - Tỷ lệ đòn bẩy nợ trên vốn cổ phần tăng - Thất lạc các tài liệu (đặc biệt là các BCTC) - Tài sản thế chấp không đủ tiêu chuẩn - Trông chờ việc đánh giá lại tài sản sản phẩm để tăng VCSH - Không có báo cáo dự báo về dòng tiền - Nguồn trả nợ của khách hàng phụ thuộc vào nguồn vốn bất thường.	- Sự đánh giá không chính xác về rủi ro của khách hàng. - Cho vay dựa trên các sự kiện bất thường có thể xảy ra trong tương lai. - Cho vay do khách hàng hứa duy trì một khoản tiền gửi lớn. - Không xác định rõ kế hoạch hoàn trả đối với từng khoản vay. - Hồ sơ tín dụng không đầy đủ. - Cung cấp các khoản tín dụng cho thành viên trong nội bộ ngân hàng (nhân viên, giám đốc hay các cổ đông) - Cung cấp tín dụng lớn cho các khách hàng không thuộc thị trường của ngân hàng. - Cho vay để tài trợ các hoạt động đầu cơ - Thiếu nhạy cảm với môi trường kinh tế đang có thay đổi

(Nguồn: Peter S.Rose, Quản trị NHTM)

Các ngân hàng luôn có đủ nguồn lực và khả năng để nhận diện các khoản cho vay có vấn đề, nhiệm vụ tiếp theo của ngân hàng là làm thế nào để đo lường được rủi ro để có biện pháp trích lập dự phòng hợp lý vừa đảm bảo được nguồn bù đắp rủi ro, vừa không lãng phí nguồn vốn để thực hiện đầu tư.

b) ***Đo lường rủi ro tín dụng***

Đo lường RRTD được xem là một khâu quan trọng nhất trong quy trình quản trị RRTD. Mục tiêu của đo lường RRTD chính là giúp ngân hàng lượng hóa được rủi ro mà mình gặp phải trong một khoảng thời gian nhất định qua đó có những biện pháp

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

chống đỡ rủi ro thích hợp như thiết lập mức dự phòng để bù đắp tổn thất rủi ro.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Ngân hàng có thể tiếp cận nhiều cách khác nhau để đo lường rủi ro. Không có phương pháp đo lường nào là phù hợp với mọi ngân hàng, mỗi ngân hàng cần xây dựng cho mình một phương pháp đo lường phù hợp với tình hình thực tế tại ngân hàng mình. Hiện nay, ngân hàng ở các nước phát triển đã áp dụng các mô hình được sử dụng để phân tích định lượng RRTD như mô hình các chỉ tiêu rủi ro chính, Mô hình tính toán lỗ dự kiến. Ở Việt Nam hầu hết các ngân hàng chưa thực hiện việc đo lường rủi ro bằng phương pháp định lượng do một vài hạn chế trong công tác cung cấp số liệu, các phương pháp hiện đang được các ngân hàng áp dụng như phương pháp phán đoán, phương pháp xếp hạng tín dụng, phương pháp điểm số.

Mô hình các chỉ tiêu rủi ro tài chính

Mô hình được đánh giá qua các chỉ số tài chính:

Bảng 1.2: Chỉ tiêu chất lượng tài sản trong mô hình các chỉ tiêu rủi ro tài chính

Chỉ tiêu	*Thông lệ*
Tốc độ tăng trưởng tín dụng	10 – 20% ở nước đang phát triển 5 – 10% ở nước phát triển
Qui mô tín dụng	60%
Tỷ lệ nợ quá hạn	< 2% : rất tốt; 2 – 5%: tốt 5 – 10%: chấp nhận được >10%: có vấn đề
Khả năng bù đắp RRTD	10 lần
Chất lượng cam kết ngoại bảng	3%
Tình hình cho vay lĩnh vực nhạy cảm	20%
Tỷ trọng cho vay 20 KH lớn nhất	50%
Tỷ trọng cho vay ngành lớn nhất	50%
Tỷ trọng cho vay 1 KH lớn	25%
Tỷ trọng cho vay 1 nhóm KH liên quan	60%

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

(Nguồn: Joel Bessis, Risk Management in Banking) Mô hình các chỉ tiêu rủi ro tài chính giúp ngân hàng đánh giá được tổng thể tình hình RRTD mà ngân hàng đang đối mặt hoặc sẽ phải đối mặt trong tương lai.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Việc đánh giá RRTD này được tính toán dựa trên tổng thể danh mục cho vay của toàn ngân hàng.

Cùng thời điểm, các ngân hàng thương mại lần lượt công bố báo cáo tài chính quý 3/2016, với phần lớn nợ xấu ở dưới mức 3%.

"Cấp độ thứ ba"

Vì sao mốc 3% quan trọng vậy? Vì đây là chuẩn mực Việt Nam, dùng để tham chiếu cho hàng loạt quy định an toàn, các điều kiện trong hoạt động.

Sát sườn với các ngân hàng thương mại, nếu để nợ xấu vượt mức 3%, tay chân họ sẽ bị trói buộc trong đầu tư, mở rộng kinh doanh, phát hành tăng vốn… Tựu trung, trong nhiều quy định pháp lý, liên quan đến cấp phép cho ngân hàng làm gì đó, quy định là nợ xấu đều phải dưới mốc 3%.

Bên ngoài nhìn vào cũng ngắm theo mốc đó. Bên ngoài cũng rất quan trọng, vì đối tác, bạn hàng sẽ cân nhắc nếu có tỷ lệ nợ xấu cao hơn giới hạn trên.

Như đầu năm nay, một số nhà đầu tư nước ngoài vào xem xét cơ hội đầu tư vào hai ngân hàng Việt Nam. Họ băn khoăn ngay: vì sao tỷ lệ nợ xấu thấp vậy, phần bán cho VAMC có nên tính gộp vào không và nên hiểu thế nào?

Có một câu trả lời gián tiếp. Từ tháng 9/2015, đặc biệt từ đầu 2016 đến nay, hầu hết các ngân hàng thương mại đã rất hạn chế bán lại nợ xấu cho VAMC. Vì sao vậy?

Đầu tiên, kể từ tháng 10/2013 – 9/2015, lượng lớn nợ xấu đã dồn dập bán. Một lý giải tự nhiên, phần khó xử lý sẽ được đem bán rồi, phần dễ và có triển vọng xử lý tốt hơn dĩ nhiên các ngân hàng có lợi khi để lại tự xử lý. Đây cũng là một ý góp phần giải thích vì sao tỷ lệ xử lý nợ xấu sau mua của VAMC chưa cao, vì phần lớn là các khoản khó.

Thứ nữa, sau khi bán cho VAMC, tỷ lệ thu hồi vẫn thấp, các ngân hàng vẫn phải trích lập dự phòng lượng lớn theo quy định lũy kế 20% mỗi năm. Trong khi đó,

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

theo quy định của Thông tư 02, nếu giữ lại, ngân hàng có thể đỡ hơn khi được khấu trừ tài sản đảm bảo cho khoản nợ đó khi thực hiện trích lập dự phòng rủi ro.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tiếp theo, không có quy định các ngân hàng ngừng bán nợ xấu cho VAMC, nhưng họ đang chờ đợi diễn biến tiếp theo của nợ xấu. Đây là "cấp độ thứ tư", dự báo sẽ quyết liệt nữa, sẽ đề cập ở phần sau.

Còn hiện tại, nợ xấu của hệ thống ngân hàng đang phản ánh ở "cấp độ thứ ba". "Cấp độ thứ nhất" nằm từ tháng 10/2011 trở về trước. Nó chủ yếu thể hiện quan điểm, góc nhìn của hệ thống đối với nợ xấu, hơn là diễn biến tăng lên hay giảm đi. Khi đó, nợ xấu của hệ thống chỉ ở mức thấp theo số liệu công bố, không đáng ngại với khoảng 3-3,4%. Nhưng, các tổ chức quốc tế vẫn bảo lưu góc nhìn mức độ hai con số.

Tháng 10/2011, tại diễn đàn Quốc hội, lần đầu tiên Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Nguyễn Văn Bình khi đó chính thức xác nhận nợ xấu thực tế ở mức độ hai con số. Về sau, số liệu cụ thể là 17,21% xác định tại tháng 9/2012. Đây cũng là điểm bắt đầu của "cấp độ thứ hai".

"Cấp độ thứ hai", nợ xấu phản ánh tỷ lệ theo góc nhìn mà khi đó Ngân hàng Nhà nước gọi là giám sát từ xa. Tức là, số liệu báo cáo của các tổ chức tín dụng là một, con số thứ hai cao hơn rất nhiều là theo giám sát từ xa của Ngân hàng Nhà nước.

Ở cấp độ này, mức độ nợ xấu chính thức được nhận diện một cách sát thực đến khắc nghiệt. Một điển hình khắc nghiệt là "cơ chế chống đau mắt đỏ", một người bị đau mắt thì cả làng phải nhỏ thuốc; một doanh nghiệp có nợ xấu tại một ngân hàng, tất cả các khoản nợ của doanh nghiệp này tại các ngân hàng khác, dù chưa xấu, cũng bị buộc phải chuyển thành nợ xấu. Ngân hàng Nhà nước áp dụng một loạt cơ chế chặt chẽ hơn, chuẩn mực cao hơn để nhận diện nợ xấu; cũng như quy hoạch liên quan trên thị trường liên ngân hàng và kênh trái phiếu…

Nhưng, ngược lại, ở "cấp độ thứ hai" cũng có sự nhượng bộ (trong điều kiện bắt buộc phải hạn chế tình huống đổ vỡ và gây bất ổn vĩ mô) qua cơ chế cho cơ cấu lại nợ mà không phải chuyển nhóm (Quyết định 780 và chuyển tiếp trong Thông tư 09), cùng VAMC ra đời.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Và nay, khi lượng nợ xấu bán cho VAMC dần phanh lại, lượng nợ lẽ ra là nợ xấu được cơ cấu ở "cấp độ thứ hai" theo thời gian lần lượt trở về khi doanh nghiệp

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

vẫn không thể trả được nợ, các ngân hàng buộc phải ghi nhận đúng nhóm, nợ xấu chuyển sang "cấp độ thứ ba".

Ở "cấp độ thứ ba" này, như trên, các biện pháp tình thế phải pha loãng, tạm gửi, trì hoãn và nhượng bộ trước đây đã dần hết hiệu lực, nên nợ xấu dần được ghi nhận thực tế hơn trước. Theo đó, cấp độ này có khía cạnh tích cực là bớt đi sự "nói dối", nhận diện đúng mức độ hơn để ứng xử đúng mực, hoạch định giải pháp đúng mức hơn.

Xét theo hướng đó, diễn biến nợ xấu theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước từ đầu năm đến nay (dĩ nhiên không tính phần bán cho VAMC) vẫn dưới 3%, vẫn được kiểm soát tốt trong điều kiện phải nhận về những tạm gửi của sự pha loãng, cơ cấu, trì hoãn… của quá khứ.

"Cấp độ thứ tư"

Theo tiến trình nhận diện và xử lý nợ xấu nói trên, hệ thống ngân hàng đang đứng trước tương lai quyết liệt hơn, cả khắc nghiệt hơn, nhưng cũng có khía cạnh tích cực của nó – "cấp độ thứ tư".

Như trên, một trong những lý do các tổ chức tín dụng đã hạn chế bán lại nợ cho VAMC là vì họ chờ đợi diễn tiến tiếp theo ở cấp độ này. Nếu áp lực quá lớn, vượt trên ngưỡng 3%, có thể họ sẽ đẩy mạnh hơn việc bán lại.

Áp lực đó nằm ở ứng xử với vấn đề lãi dự thu. Theo số liệu của Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia đề cập mới đây, quy mô lãi dự thu của hệ thống ngân hàng tăng cao và dồn lại trong những năm qua. Nợ xấu cũng tiềm ẩn ở đây, dù không mở rộng ở nhiều thành viên.

Thử thách đặt ra với hệ thống, với Ngân hàng Nhà nước, như đã từng có ở "cấp độ thứ hai" là quan điểm, tinh thần và sự quyết liệt trong ứng xử với sự tích tụ của lãi dự thu những năm trước dồn lại như thế nào.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Nếu Ngân hàng Nhà nước thực sự vào cuộc, làm rõ chất lượng lãi dự thu hay nợ xấu tiềm ẩn ở đây, quyết liệt trong yêu cầu thoái thu, mức độ và các bước của nó đều sẽ phản ánh ở "cấp độ thứ tư" dự kiến trong tương lai này.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Và như trên, nếu tình huống trên hiện thực, khía cạnh tích cực là, nợ xấu ngân hàng sẽ càng được làm rõ hơn, nhận diện chính xác và chặt chẽ hơn để hoạch định ứng xử, đề càng minh bạch và quyết liệt hơn nữa trong củng cố an toàn hệ thống.

Mô hình CreditMetrics

CreditMetrics là mô hình được giới thiệu từ năm 1997 bởi JP Morgan và các nhà tài trợ (Bank of America, Union Bank of Switzerland…) như một khung đo lường giá trị chịu rủi ro (VAR) cho các khoản vay và các tài sản không được giao dịch trên thị trường.

Để tính toán giá trị thị trường của một khoản vay, Credit Metrics sử dụng các số liệu :

- Hạng tín dụng của khách hàng vay vốn ;
- Xác suất thay đổi hạng tín dụng của khách hàng trong năm tới (Ma trận chuyển hạng) ;
- Tỷ lệ thu hồi từ các khoản vay bị vỡ nợ;
- Mức chênh thu nhập trên thị trường trái phiếu.

Mô hình KMV

Mô hình KMV được công ty KMV xây dựng dựa trên lý thuyết quyền chọn của Merton và được sử dụng phổ biến trong ngành tài chính. Ngày nay, mô hình này thuộc sở hữu của công ty Moody và được phát triển thành phần mềm Credit Monitor để lượng hóa xác suất vỡ nợ của một công ty, và Porfolio Monitor để lượng hóa rủi ro của danh mục tín dụng. Cùng với Credit Metric, KMV là một trong những mô

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

hình thông dụng nhất để lượng hóa rủi ro tín dụng của một người vay và của một danh mục tín dụng.

KMV sử dụng các số liệu đầu vào bao gồm cấu trúc của công ty, độ bất ổn định của giá trị tài sản công ty, và giá trị hiện tại của tài sản công ty để tính toán trực tiếp xác suất vỡ nợ của công ty đó dựa trên cách tiếp cận định giá quyền chọn của Merton (1974), xác suất này được gọi là xác suất vỡ nợ kỳ vọng EDF (Expected Default Frequency). Mô hình này sử dụng các thông tin được công bố, do vậy nó đặc biệt phù hợp với các công ty đã niêm yết.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

c) ***Kiểm soát rủi ro***

Sau khi nhận diện và tiến hành đo lường rủi ro, thì bước tiếp theo trong hoạt động quản trị rủi ro cần được đề cập tới đó chính là kiểm soát rủi ro. Kiểm soát rủi ro được hiểu là việc dùng các biện pháp kỹ thuật, công cụ, chiến thuật để ngăn ngừa, né tránh hoặc giảm thiểu những tổn thất do rủi ro mang đến cho ngân hàng.

Ngăn ngừa rủi ro

Ngăn ngừa rủi ro là việc dùng các biện pháp nào đó để giảm xác suất xuất hiện rủi ro. Trong phần nguyên nhân dẫn tới RRTD đã được đề cập ở trên, thì một trong những nguyên nhân quan trọng đó là sự thiếu đa dạng trong xây dựng danh mục cho vay dẫn tới rủi ro. Vì vậy, biện pháp để kiểm soát rủi ro hữu hiệu mà ngân hàng cần phải tiến hành đồng bộ, kịp thời đó là kiểm soát danh mục cho vay, cùng với các chiến lược như đa dạng hóa, đi thẳng vào thị trường mục tiêu mang lại lợi nhuận cao, các nhà quản trị phải thường xuyên rà soát, thay đổi kịp thời danh mục cho vay để phù hợp với thị trường, có như thế công tác quản trị rủi ro mới thật sự mang lại hiệu quả, đồng thời cũng không làm suy giảm lợi nhuận của ngân hàng khi tăng cường mở rộng quy mô cấp tín dụng. Đa dạng hóa dnah mục cho vay cũng là biện pháp nhằm ngăn ngừa rủi ro tập trung tín dụng và cũng ngăn ngừa sự tương tác, khuếch đại rủi ro khi tập trung vào những đối tượng có rủi ro nội tại cao.

Né tránh rủi ro

Né tránh rủi ro nghĩa là né tránh những hoạt động hay những nguyên nhân có thể phát sinh tổn thất. Đây là cách thức kiểm soát rủi ro đơn giản và có chi phí thấp nhất. Tuy nhiên, lợi nhuận luôn đi liền với rủi ro. Rủi ro được hiểu là sự không chắc chắn do đó mé tránh rủi ro có thể làm cho ngân hàng mất đi lợi nhuận cao nếu rủi ro không xảy ra. Các biện pháp mà các ngân hàng thương áp dụng để né tránh rủi ro đó là hạn chế cấp tín dụng cho những đối tượng khách hàng có độ tín nhiệm thấp, hoặc nếu ngân hàng thực hiện cấp tín dụng thì với điều kiện là TSĐB phải có giá trị thanh khoản cao hoặc cho vay với lãi suất cao hơn. Ngoài việc hạn chế cho vay đối với khách hàng, thì biện pháp được ngân hàng áp dụng đó là hạn chế cho vay đối với

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

những ngành, lĩnh vực gặp nhiều rủi ro nội tại như nông nghiệp, bất động sản… là những lĩnh vực gặp nhiều rủi ro khách qua do thiên tai, dịch bệnh…

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Giảm thiểu tổn thất

Một biện pháp thứ ba trong quá trình kiểm soát rủi ro đó chính là việc giảm thiểu tổn thất do RRTD gây nên. Bằng việc yêu cầu các TSĐB có giá trị cao hơn giá trị của khoản vay, việc thẩm định TSĐB phải được thực hiện bởi các cơ quan chuyên trách do ngân hàng trực tiếp chỉ định và làm việc, định kì hằng năm hoặc hàng quý ngân hàng tiến hành thẩm định lại giá trị TSĐB, mục đích của việc làm này đó là việc ngân hàng có thể thu hồi được một phần nợ từ TSĐB nếu như khoản vay khách hàng không thể trả được nợ (RRTD xảy ra). Hoặc ngân hàng tiến hành trích lập dự phòng để chống đỡ với những tổn thất khi xảy ra RRTD. Hiện tại phương pháp trích lập dự phòng theo điều 3 của Thông tư 02/2013/TT-NHNN ở mức 0%, 5%, 20%, 50%, 100% cho các nhóm nợ từ 1 đến 4 và tại điều 13 của Thông tư 02/2013/TT-NHNN dự phòng chung ở mức 0,75% cho toàn bộ các khoản nợ, đặc biệt, một số ngân hàng đã tự xây dựng cho mình mô hình nội bộ theo hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ để từ cho điểm đánh giá các khoản cấp tín dụng của mình. Tuy nhiên các biện pháp này chưa thật sự chạm đến tiêu chuẩn quốc tế về đo lường RRTD, chúng ta sẽ đề cập sâu hơn về vấn đề này trong phần thực trạng quản trị RRTD của các ngân hàng tại Việt Nam. Điều này đã góp phần giúp ngân hàng hạn chế được phần nào thiệt hại do rủi ro mang lại. Từ những biện pháp TSĐB hay trích lập dự phòng đã giúp ngân hàng thực hiện bước tiếp theo trong công tác quản trị rủi ro đó chính là tài trợ rủi ro.

d) ***Tài trợ rủi ro tín dụng***

Một khi RRTD xảy ra, thì các ngân hàng phải áp dụng mọi biện pháp để hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại do rủi ro gây ra. Thông thường hoạt động tài trợ rủi ro thường được phân chia thành hai nhóm là tự khắc phục rủi ro hoặc là chuyển giao rủi ro. Hoạt động tự khắc phục rủi ro được hiểu là phương pháp mà khi rủi ro xảy ra thì ngân hàng tự khắc phục những tổn thất thông qua việc sử dụng các quỹ dự phòng hoặc sử dụng vốn tự có của mình khi xảy ra những rủi ro ngoài dự

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

kiến. Trong trường hợp ngân hàng không thể tự mình khắc phục được những rủi ro gây ra thì ngân hàng có thể tiến hành chuyển giao rủi ro bằng cách nhờ các nguồn

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

lực bên ngoài để khắc phục rủi ro như chuyển giao rủi ro bằng cách bán các khoản nợ, khoản đền bù cho các hãng bảo hiểm...

1.2.3.3 Hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

Tỷ lệ này phản ánh sự tương quan phù hợp giữa vốn tự có với các tài sản Có của ngân hàng. Đây là chỉ tiêu quan trọng nhất trong hệ thống các chỉ tiêu về an toàn mà NHTW và các cơ quan giám sát yêu cầu một ngân hàng phải chấp hành.

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (kí hiệu CAR) được xác định theo công thức sau:

$$CAR = \frac{Vốn\ tự\ có\ Ngân\ hàng}{Tổng\ tài\ sản\ Có\ điều\ chỉnh\ rủi\ ro}$$

Trong đó: tổng tài sản Có điều chỉnh rủi ro được tính trên cơ sở lấy giá trị ghi sổ của từng loại tài sản có của ngân hàng (cả tài sản có nội bảng lẫn ngoại bảng) đã điều chỉnh theo hệ số rủi ro tín dụng tương ứng với loại tài sản có đó rồi cộng cả lại.

Vốn tự có của ngân hàng được định nghĩa theo nghĩa rộng, bao gồm:

- Vốn cấp 1 (vốn cơ sở): gồm vốn cổ đông đã góp, dự trữ công khai (chủ yếu từ phần lợi nhuận sau thuế giữ lại). Trong tổng số 8% vốn an toàn rủi ro tín dụng, vốn loại 1 phải chiếm ít nhất 50% hay nói cách khác là chiếm ít nhất 4% tổng tài sản rủi ro.

- Vốn cấp 2 (vốn bổ sung): bao gồm các loại chứng khoán, dự trữ không công bố, các khoản vốn ngân hàng vay có kỳ hạn lớn hơn 5 năm, cổ phiếu đã đến kỳ hạn chuyển đổi hoặc thanh toán theo yêu cầu của tổ chức phát hành.

Một tổ chức tài chính được coi là đủ vốn khi tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (Capital Adequacy Ratio – CAR) đạt thông lệ quốc tế là từ 8% đến 10%, trong đó đạt tối thiểu 4% đối với vốn cấp 1 và vốn cấp 2 được giới hạn là tối đa là 100% vốn loại 1. Ở Việt Nam tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu là 9%. Nếu ngân hàng vi phạm, sẽ đem lại hậu quả xấu không lường được, có thể lâm vào tình trạng phá sản. Tỷ lệ vốn an toàn vốn tối thiểu là tiêu chuẩn đánh giá trình độ hoạt động của một ngân hàng trong một thời kỳ nào đó.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tỷ lệ nợ quá hạn

Nợ quá hạn là khoản nợ mà khách hàng không trả được gốc lãi khi đến hạn thỏa

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

thuận quy định trong hợp đồng tín dụng. Khi một món nợ không trả được vào kỳ hạn nợ, hoặc không có tài sản đảm bảo hoặc không bán được, khách hàng thua lỗ triền miên, phá sản…Nợ quá hạn được thể hiện qua tỷ lệ nợ quá hạn theo công thức sau:

$$Tỷ\ lệ\ NQH = \frac{Dư\ NQH}{Tổng\ dư\ nợ\ cho\ vay}\ x\ 100\%$$

Quy định hiện nay của Ngân hàng Nhà nước cho phép dư nợ quá hạn của các ngân hàng thương mại không được vượt quá 3%, nghĩa là trong 100 đồng vốn ngân hàng bỏ ra cho vay thì nợ quá hạn tối đa chỉ được phép là 3 đồng. Nợ quá hạn là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và hoặc lãi đã quá hạn. Một cách tiếp cận khác, nợ quá hạn là những khoản tín dụng không hoàn trả đúng hạn, không được phép và không đủ điều kiện để được gia hạn nợ. Theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN (21/01/2013) để đảm bảo quản lý chặt chẽ, các khoản nợ trong hệ thống NHTM Việt Nam được phân loại theo thời gian và được phân chia theo thời hạn thành 5 nhóm sau:

- Nhóm 1: Nợ trong hạn và nợ quá hạn dưới 10 ngày- Nợ đủ tiêu chuẩn

- Nhóm 2: Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày – Nợ cần chú ý.

- Nhóm 3: Nợ quá hạn từ 91 đến 180 ngày – Nợ dưới tiêu chuẩn.

- Nhóm 4: Nợ quá hạn từ 181 đến 360 ngày – Nợ nghi ngờ.

- Nhóm 5: Nợ quán hạn trên 360 ngày- Nợ có khả năng mất vốn.

Nợ quá hạn là các khoản nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5.

Tỷ lệ nợ xấu

Nợ xấu là những khoản nợ quá hạn trên 90 ngày (*Nợ quá hạn từ Nhóm 3 trở lên*) mà không đòi được và không được tái cơ cấu. Nợ xấu còn bao gồm cả những khoản nợ chưa đến hạn nhưng đã phát hiện khoản vay không có khả năng trả nợ. Nợ xấu được thể hiện qua tỷ lệ nợ xấu theo công thức sau:

$$Tỷ\ lệ\ nợ\ xấu\ = \frac{Dư\ nợ\ xấu}{Tổng\ dư\ nợ\ cho\ vay}\ x\ 100\%$$

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Tỷ lệ nợ xấu là một chỉ tiêu quan trọng để đánh giá độ an toàn tín dụng cũng như đánh giá hiệu quả tín dụng của ngân hàng. Một khi ngân hàng có quá nhiều khoản nợ xấu, tỷ lệ nợ xấu ở mức cao, ngân hàng sẽ có nguy cơ không thu hồi được

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

nợ vay, dẫn đến khả năng mất vốn... qua đó ảnh hưởng tới khả năng thanh toán và hiệu quả kinh doanh của ngân hàng.

Thực tế cho thấy, các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động SXKD đôi lúc không thể tránh khỏi những rủi ro trong kinh doanh, những rủi ro đó có thể mang tính chủ quan hay khách quan từ phía doanh nghiệp nhưng đều gây nên tình trạng không trả được nợ hoặc không trả được nợ đúng hạn cho ngân hàng. Do đó, để đánh giá chất lượng tín dụng đồng thời dự phòng xử lý các rủi ro tín dụng phát sinh, các ngân hàng thường chấp nhận một tỷ lệ nợ xấu nhất định được coi là giới hạn an toàn. Mức giới hạn tỷ lệ nợ xấu ở mỗi nước là khác nhau, riêng ở Việt Nam hiện nay chấp nhận tỷ lệ này là 3%. Ở Việt Nam, nợ xấu bao gồm những khoản nợ quá hạn có hoặc không thể thu hồi, nợ liên quan đến các vụ án chờ xử lý và những khoản nợ quá hạn không được Chính Phủ xử lý rủi ro.

Nợ xấu (*hay nợ có vấn đề, nợ không lành mạnh, nợ khó đòi, nợ không thể đòi,...*) là những khoản nợ mang các đặc trưng cơ bản sau:

- Khách hàng đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng khi các cam kết này đã hết hạn.

- Tình hình tài chính của khách hàng đang và có chiều hướng xấu dẫn đến có khả năng ngân hàng không thu hồi được cả vốn lẫn lãi.

- Tài sản đảm bảo (thế chấp, cầm cố, bảo lãnh) được đánh giá là giá trị phát mại không đủ trang trải nợ gốc và lãi.

- Thông thường về thời gian là các khoản nợ quá hạn ít nhất là 90 ngày.

Tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn

Nợ có khả năng mất vốn là khoản nợ ngân hàng không có khả năng thu hồi, Nợ có khả năng mất vốn được thể hiện qua tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn.Tỷ lệ này được xác định theo công thức:

$$Tỷ\ lệ\ có\ khả\ năng\ mất\ vốn = \frac{Dư\ nợ\ có\ khả\ năng\ mất\ vốn}{Tổng\ dư\ nợ\ cho\ vay} \times 100\%$$

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Theo đó, dư nợ tín dụng có khả năng mất vốn được xác định là toàn bộ các khoản nợ thuộc nhóm 5 theo cách phân loại nợ được quy định tại Điều 6 trong

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam "*V/v Ban hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của TCTD*". Tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn cho biết khả năng không thu được nợ trong tổng dư nợ tín dụng là được bao nhiêu %. Nó cho phép ngân hàng có thể đánh giá chi tiết hơn về độ an toàn tín dụng. Cũng giống như tỷ lệ nợ xấu, các ngân hàng luôn cố gắng giảm tỷ lệ này tới mức thấp nhất có thể.

Tỷ lệ nợ mất vốn

Nợ mất vốn là nợ hoàn toàn không thu hồi được. Nợ mất vốn được thể hiện qua tỷ lệ nợ mất vốn (là tỷ lệ phần trăm giữa dư nợ tín dụng mà TCTD đã sử dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu hồi được (dư nợ được xóa nợ) trên tổng dư nợ tín dụng). Tỷ lệ này được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ nợ mất vốn} = \frac{\text{Dư nợ mất vốn}}{\text{Tổng dư nợ cho vay}} \times 100\%$$

Tỷ lệ này phản ánh số vốn ngân hàng sẽ bị mất do TCTD đang đánh giá khách hàng vay không thể trả được nợ bằng mọi cách. Và khoản tín dụng này sẽ được bù đắp bởi quỹ dự phòng đã được ngân hàng trích khi khoản vay của khách hàng ở trọng thái nợ xấu đến thời điểm khoản nợ đó không có khả năng thu hồi. Cũng giống như tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn, các ngân hàng luôn cố gắng giảm tỷ lệ này tới mức thấp nhất có thể.

Mô hình chất lượng 6C

Trọng tâm của mô hình này là xem xét liệu người vay có thiện chí và khả năng thanh toán các khoản vay khi đến hạn hay không. Cụ thể bao gồm 6 yếu tố sau:

- Character – Tư cách người vay: Cán bộ tín dụng cần xem xét mục đích vay vốn của khách hàng, cần có bằng chứng chứng tỏ khách hàng có mục tiêu rõ ràng và có kế hoạch trả nợ nghiêm túc, xác định người vay có trách nhiệm trong việc sử dụng vốn vay hay không. Trách nhiệm, tính trung thực, mục đích vay vốn nghiêm túc, kế hoạch trả nợ rõ ràng là những yếu tố làm nên tính cách khách hàng trong

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

cách nhìn nhận của cán bộ tín dụng. Lịch sử vay trả nợ của khách hàng, các vụ kiện

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

tụng liên quan tới khách hàng cũng là yếu tố để cán bộ tín dụng đánh giá về tư cách người vay.

- Capacity – Năng lực người vay: Năng lực hành vi dân sự của chủ doanh nghiệp & của người bảo lãnh; Những hồ sơ pháp lý chứng minh năng lực pháp lý của doanh nghiệp vay vốn; Mô tả quá trình hoạt động của doanh nghiệp đến thời điểm hiện tại, cơ cấu sở hữu, chủ sở hữu, tính chất hoạt động, sản phẩm, khách hàng chính, người cung cấp chính của doanh nghiệp.

- Cash flow – Dòng tiền của người vay: Dòng tiền từ doanh thu bán hàng hay thu nhập; Dòng tiền từ bán tài sản; Các nguồn vốn huy động khác; Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán.

- Collateral – Bảo đảm tiền vay: Ngân hàng sẽ xem xét các yếu tố như tình trạng pháp lý của tài sản; Khả năng bị lỗi thời, mất giá; Giá trị tài sản; Mức độ chuyên biệt của tài sản; Tình trạng đã/đang bị dùng để đảm bảo cho món vay khác; Tình trạng bảo hiểm; Vị thế của ngân hàng đối với tiền thu hồi từ thanh lý tài sản.

- Control – khả năng kiểm soát khoản vay: Các luật, quy định, quy chế hiện hành liên quan đến khoản tín dụng đang được xem xét; Đủ hồ sơ giấy tờ phục vụ cho công việc kiểm soát; Hồ sơ giấy tờ cho vay, giải ngân phải có đầy đủ và phải được ký bởi các bên; Mức độ phù hợp của khoản vay đối với quy chế, quy định của ngân hàng; Ý kiến của các chuyên gia kinh tế, kỹ thuật về môi trường của ngành, về sản phẩm, về các yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến khoản vay.

- Conditions – Các điều kiện khác: Địa vị cạnh tranh hiện tại; Kết quả hoạt động của khách hàng so với các đối thủ cạnh tranh khác trong ngành; Tình hình cạnh tranh của sản phẩm; Mức độ nhạy cảm của khách hàng đối với chu kỳ kinh doanh và những thay đổi về công nghệ; Điều kiện/tình trạng thị trường lao động trong ngành hay trong khu vực thị trường mà khách hàng đang hoạt động; Tương lai của ngành; Các yếu tố chính trị, pháp lý, xã hội, công nghệ, môi trường ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, ngành nghề của khách hàng.*(Nguyễn Văn Tiến, 2010)*

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Mô hình điểm số Z

Chỉ số Z là công cụ cảnh báo sớm khả năng phá sản của công ty và là khả năng mất vốn trong tương lai của ngân hàng.

Chỉ số Z phụ thuộc vào: tình hình tài chính của người vay & tầm quan trọng của chỉ số này trong việc xác định xác suất vỡ nợ trong quá khứ.

Các chỉ số thành phần trong việc tính chỉ số Z là:

$$X_1 = \frac{\text{Vốn lưu động ròng}}{\text{Tổng tài sản}}$$

$$X_2 = \frac{\text{Lợi nhuận giữ lại}}{\text{Tổng tài sản}}$$

$$X_3 = \frac{\text{EBIT}}{\text{Tổng tài sản}}$$

$$X_4 = \frac{\text{Giá trị thị trường của vốn cổ phần}}{\text{Giá trị số sách của nợ}}$$

$$X_5 = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Điểm số Z giá trị tổng hợp của các chỉ số với các trọng số của chúng. Các giá trị trọng số không cố định mà có sự thay đổi phụ thuộc vào công ty thuộc ngàn h nghề sản xuất hay dịch vụ, đã cổ phần hóa hay chưa. Điểm số Z có quan hệ tỷ lệ nghịch với khả năng phá sản của doanh nghiệp.

- Đối với doanh nghiệp đã cổ phần hóa, ngành sản xuất:

$$Z = 1.2X_1 + 1.4X_2 + 3.3X_3 + 0.64X_4 + 0.999X_5$$

Nếu Z > 2.99: Doanh nghiệp nằm trong vùng an toàn, chưa có nguy cơ phá sản.

Nếu 1.8 < Z < 2.99: Doanh nghiệp nằm trong vùng cảnh báo, có thể có nguy cơ phá sản.

Nếu Z < 1.8: Doanh nghiệp nằm trong vùng nguy hiểm, nguy cơ phá sản cao.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

- Đối với doanh nghiệp chưa cổ phần hóa, ngành sản xuất:

$$Z = 0.717X_1 + 0.847X_2 + 3.107X_3 + 0.42X_4 + 0.998X_5$$

Nếu Z > 2.9: Doanh nghiệp nằm trong vùng an toàn, chưa có nguy cơ phá sản.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Nếu 1.23 < Z < 2.9: Doanh nghiệp nằm trong vùng cảnh báo, có thể có nguy cơ phá sản.

Nếu Z < 1.23: Doanh nghiệp nằm trong vùng nguy hiểm, nguy cơ phá sản cao.

- Đối với các doanh nghiệp khác:

Chỉ số Z" dưới đây có thể được dùng cho hầu hết các ngành, các loại hìnhdoanh nghiệp. Vì sự khác nhau khá lớn của X_5 giữa các ngành nên X_5 được đưa ra:

$$Z'' = 6.56X_1 + 3.26X_2 + 6.72X_3 + 1.05X_4$$

Nếu Z' > 2.6: Doanh nghiệp nằm trong vùng an toàn, chưa có nguy cơ phá sản.

Nếu 1.2 < Z < 2.6: Doanh nghiệp nằm trong vùng cảnh báo, có thể có nguy cơ phá sản.

Nếu Z < 1.2: Doanh nghiệp nằm trong vùng nguy hiểm, nguy cơ phá sản cao.

Đây là kỹ thuật đo lường rủi ro tín dụng tương đối đơn giản nhưng mô hình này chỉ cho phép phân loại nhóm khách hàng vay có rủi ro và không có rủi ro. Trong thực tế mức độ rủi ro tiềm năng khác nhau từ mức thấp như chậm trả lãi, không trả lãi cho đến mức cao như mất khả năng trả nợ cả gốc và lãi vay. Ngoài ra, mô hình này không tính đến các yếu tố định lượng như điều kiện kinh doanh, điều kiện thị trường thay đổi, uy tín khách hàng, mối quan hệ lâu dài với ngân hàng, sự biến động của chu kỳ kinh tế. *(Nguồn: Nguyễn Văn Tiến, 2010)*

Hai mô hình điểm số Z và mô hình chất lượng 6C, tác giả đưa ra để tham khảo chứ không tiến hành phân tích số liệu theo hai mô hình này trong chương III.

Mô hình xếp hạng của Moody và Standard & Poor

Bảng 1.3: Mô hình xếp hạng của công ty Moody và Standard & Poor

Moody	Standard & Poor	Tình trạng
Aaa	AAA	Chất lượng cao nhất, rủi ro thấp nhất
Aa	AA	Chất lượng cao
A	A	Chất lượng trên trung bình
Baa	BBB	Chất lượng trung bình

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Ba	BB	Chất lượng trung bình mang yếu tố đầu cơ
B	B	Chất lượng dưới trung bình
Caa	CCC	Chất lượng kém
Ca	CC	Mang tính đầu cơ, có thể vỡ nợ
C	C	Chất lượng kém nhất, triển vọng xấu

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

(*Nguồn: https://vi.scribd.com/doc/41776409*) Rủi ro tín dụng trong cho vay và đầu tư thường được thể hiện bằng việc xếp hạng trái phiếu và khoản cho vay. Việc xếp hạng này được thực hiện bởi một sốdịch vụ xếp hạng tư nhân trong đó có Moody và Standard & Poor là những dịch vụtốt nhất. Đối với Moody, xếp hạng cao nhất là Aaa nhưng với Standard & Poor thìcao nhất là AAA. Việc xếp hạng giảm dần từ Aaa (Moody) và AAA (Standard & Poor) để phản ánh rủi ro không được hoàn vốn cao. Trong đó, chứng khoán (khoản cho vay) trong 4 loại đầu được xem như loại chứng khoán (khoản cho vay) mà ngân hàng nên đầu tư, còn các loại chứng khoán (khoản cho vay) bên dưới được xếp hạng thấp hơn thì ngân hàng không nên đầu tư hay cho vay. Nhưng thực tế vì phải xem xét mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa rủi ro và lợi nhuận nên những chứng khoán (khoản cho vay) tuy được xếp hạng thấp (rủi ro không hoàn vốn cao) nhưng lại cho lợi nhuận cao nên đôi lúc ngân hàng vẫn chấp nhận đầu tư hoặc cho vay.

1.3 Kinh nghiệm quản trị rủi ro tín dụng tại một số NHTM trong nước

1.3.1 Vietinbank

VietinBank đã chuyển đổi mô hình tổ chức bộ máy tín dụng trong toàn hệ thống với các chức năng độc lập, vừa đảm bảo tính chuyên nghiệp cao, vừa tăng cường khả năng giám sát giữa các chức năng, theo đó chức năng nghiên cứu tham mưu ban hành chính sách tín dụng được tách biệt với chức năng quản lý khách hàng, thẩm định và đề xuất tín dụng (Phòng khách hàng); thẩm định rủi ro và quản lý danh mục tín dụng (phòng Quản lý rủi ro); theo dõi, quản lý các khoản nợ bị suy giảm khả năng trả nợ (Phòng quản lý nợ có vấn đề); kiểm tra, giám sát tín dụng độc lập (Ban kiểm tra, kiểm soát nội bộ). Nhờ đó, quá trình đổi mới chính đã mang lại những kết quả quan trọng.

Bên cạnh đó, Vietinbank còn thực hiện chính sách tăng trưởng tín dụng linh hoạt trong từng thời kỳ, giải quyết có hiệu quả tình trạng thừa vốn, tình trạng tăng trưởng tín dụng nóng; ứng xử tín dụng hợp lý với các đối tượng cấp tín dụng cụ thể,

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

tuân thủ danh mục tín dụng đã được thiết lập, có ưu tiên cho các khu vực kinh tế phát triển, khách hàng có năng lực tài chính mạnh, các lĩnh vực then chốt của nền

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

kinh tế, ít chịu rủi ro; Nâng cao tiêu chuẩn lựa chọn khách hàng, phương án, dự án kinh doanh, tăng cường biện pháp quản lý tín dụng đối với khách hàng, trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ và tích cực xử lý nợ xấu.

Nhờ đó, quy mô tín dụng của VietinBank tăng bình quân hàng năm 31% đến nay tăng gần 170 lần so với lúc mới thành lập), đáp ứng được các nhu cầu vốn hợp lý của nền kinh tế, góp phần quan trọng vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Cơ cấu tín dụng theo địa bàn, đối tượng khách hàng, mục đích sử dụng vốn, ngành hàng, kỳ hạn cấp tín dụng, hình thức bảo đảm tiền vay…. được

điều chỉnh theo hướng tích cực. Chất lượng tín dụng được nâng cao và trở thành một trong những Ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất.

Vietinbank chú trọng quản lý điều hành tập trung bằng cơ chế, chính sách, quy trình tín dụng, thực hiện phân quyền cho các cá nhân, đơn vị trong quá trình thực hiện. Hoạt động tín dụng được diễn ra thống nhất trong toàn hệ thống, đảm bảo các giới hạn chấp nhận rủi ro thông qua các tiêu chuẩn cấp tín dụng, cũng như các biện pháp quản lý tín dụng, đảm bảo rằng dù khách hàng quan hệ tín dụng ở bất cứ chi nhánh nào, cũng được hưởng lợi các sản phẩm tín dụng như nhau. Đồng thời, các cá nhân, đơn vị được quyền chủ động thực hiện thông qua việc phân cấp, uỷ quyền của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cấp có thẩm quyền trên cơ sở phù hợp với môi trường, chất lượng hoạt động, xếp hạng tín dụng của từng đơn vị và năng lực, trình độ, kinh nghiệm quản lý của người được uỷ quyền.

1.3.2 HD Bank

HDBank là một trong những ngân hàng đầu tiên đã công bố thực hiện thành công hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ gồm 9 bộ chỉ tiêu xếp hạng dành cho 4 đối tượng khách hàng: định chế tài chính, tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh và cá nhân. Việc ứng dụng hệ thống này sẽ giúp HDBank đánh giá được chất lượng tín dụng, phân nhóm khách hàng cũng như lượng hóa tín dụng, phân loại nợ, trích lập dự phòng, quản trị chất lượng tín dụng hiệu quả và toàn diện. Tính đến nay, tỷ lệ nợ xấu của HDBank đã được kiểm soát ở mức trên 1%/năm.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Đồng thời, HDBank đã xây dựng được khối quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ theo theo tiêu chuẩn quốc tế gồm các phòng ban (Quản lý rủi ro, Thẩm định giá, Pháp chế, Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Xử lý nợ,..). Các phòng ban này liên kết chặt chẽ với nhau tạo thành quy trình thẩm định khép kín thực hiện các hoạt động quản trị rủi ro tín dụng và rủi ro phi tín dụng như: rủi ro thanh khoản, rủi ro tỷ giá, pháp lý, rủi ro nhân lực và các hoạt động khác. Bên cạnh đó, ngân hàng cũng đã hoàn thành chuẩn hóa nhiều văn bản nội bộ, quy trình xét duyệt thẩm định, đẩy mạnh công tác giám sát từ xa, xây dựng bộ tiêu chuẩn quản trị rủi ro, đơn giản thủ tục vay, thời gian giải ngân nhanh chóng (chỉ trong ba ngày với những hồ sơ hợp lệ) góp phần đem lại sự tín nhiệm và hài lòng cho khách hàng.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Vân Anh, 2014. " Hạn chế rủi ro cho hệ thống ngân hàng thông qua áp dụng Basel II - nhìn từ kinh nghiệm quốc tế". *Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ*, Số 20/2014, Tr. 36-39

2. Nguyễn Quang Đông, 2015. *Quản lý rủi ro tín dụng tại BIDV – Chi nhánh Phú Diễn.* Luận văn Thạc sỹ kinh tế, Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Phan Thị Thu Hà, 2014. "Bàn về mô hình đo lường rủi ro lãi suất tại các tổ chức tín dụng", *Tạp chí Ngân hàng,* Số 24, Tr. 30 – 34.

4. Bùi Thị Thúy Hằng, 2013. *Quản trị rủi ro tín dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ tại ngân hàng TMCP Quốc tế VN.* Luận văn Thạc sỹ, Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Joel Bessis, 2012. *Quản trị rủi ro trong ngân hàng*. Hà Nội: NXB Lao động xã hội

6. Luật ngân hàng của Đan Mạch, năm 1930.

7. Luật ngân hàng của Cộng hòa Pháp, năm 1941.

8. Luật ngân hàng của Ấn Độ, năm 1950 và được sửa đổi năm 1959.

9. Ngân hàng Nhà nước, 2005. *Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng*. Hà Nội.

10. Ngân hàng Nhà nước, 2007. *Quyết định 18/2007/QĐ - NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Qui định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 493/2005 - NHNN ngày 22/4/2005 của Thống Đốc ngân hàng Nhà nước*. Hà Nội.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

11. Ngân hàng Nhà Nước, 2013. *Thông tư 02/2013/TT-NHNN. quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*. Hà Nội.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

12. Ngân hàng Nhà Nước, 2013. *Thông tư 12/2013/TT/NHNN: Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2013/TT/NHNN*. Hà Nội.

13. Ngân hàng Nhà Nước, 2013. *Thông tư 09/2013/TT/NHNN: Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2013/TT/NHNN*. Hà Nội.

14. Ngân hàng Nhà Nước, 2014. *Thông tư 36/2014/TT-NHNN: Quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tiir chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.* Hà Nội

15. Ngân hàng TMCP Quốc Dân. *Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh các năm 2013-2015.*

16. Lê Hải Nhung, 2015. *Chất lượng tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hà Nội.* Luận văn Thạc sỹ kinh tế, Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.

17. Nguyễn Thị Nhung, 2015, *Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Hợp tác xã – Chi nhánh Nghệ An.* Luận văn thạc sỹ kinh tế, Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.

18. Nguyễn Hải Ninh, 2012. *Rủi ro tín dụng tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Uông Bí.* Luận văn Thạc sỹ, Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.

19. Peter Rose, 2001. *Quản trị ngân hàng thương mại*. Hà Nội: NXB Tài chính.

20. Quốc Hội, 2004. *Luật số 20/2004/QH11 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng.* Hà Nội.

21. Quốc hội, 2010. *Luật số 47/2010/QH12: Luật các tổ chức tín dụng*. Hà Nội.

22. Nguyễn Văn Tiến, 2003. *Đánh giá và phòng ngừa rủi ro trong kinh doanh ngân hàng.* Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

23. Nguyễn Văn Tiến, 2010. *Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng*. Hà Nội: NXB Thống kê.

24. Nguyễn Văn Tiến, 2013. *Giáo trình quản trị ngân hàng thương mại*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống Kê.

25. Lê Văn Tư, 2005. *Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*. Hà Nội: NXB Tài

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Chính.

26. Lê Văn Tư, 1997. *Tiền tệ - tín dụng và ngân hàng*. Hà Nội: NXB Thống kê.

27. Lê Văn Tề, 2007. *Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*. Hà Nội: NXB Thống kê.

28. Viện nghiên cứu khoa học ngân hàng, 2009. *Thực trạng rủi ro tín dụng của các NHTM Việt Nam hiện nay và các giải pháp phòng ngừa hạn chế.* Hà Nội: NXB Thống kê.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com